Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Nam Thịnh Vượng
Digitally signed by Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Nam Thịnh Vượng
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=Đống Đa, CN=Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Nam Thịnh Vượng, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0100233583
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.27 16:52:54+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2024.2.1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: 184 /2026/CVHDQT - VPB
No.: 184/2026/CVHDQT - VPB

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2026
Hanoi, October 27 , 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
IRREGULAR INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch chứng khoán TP HCM
Sở Giao dịch chứng khoán HN

To: State Securities Commission
Ho Chi Minh Stock Exchange
Hanoi Stock Exchange

1. **Tên tổ chức/*Organization:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng**/*Vietnam Prosperity Joint-Stock Commercial Bank ("VPBank")*

- Mã chứng khoán/*Stock symbol:* VPB

- Địa chỉ/*Address:* 89 Láng Hạ, Phường Đống Đa, Thành phố Hà Nội/ *89 Lang Ha, Dong Da ward, Hanoi*

- Điện thoại/*Telephone:* (84-24) 3928 8869 - Fax: (84-24) 3928 8867

2. Nội dung thông tin công bố/*Content of disclosure*

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) công bố thông tin về việc sửa đổi nội dung vốn điều lệ tại điều 8 Điều lệ Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng như sau: "Vốn điều lệ của VPBank là: 100.000.000.000.000 đồng (*một trăm nghìn tỷ đồng*). Tổng số vốn điều lệ của VPBank được chia thành 10.000.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần".

Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank (VPBank) hereby announces the amendment to the charter capital provision under Article 8 of the Charter of Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank as follows:

"The charter capital of VPBank is VND 100,000,000,000,000 (one hundred trillion Vietnamese dong). The charter capital of VPBank is divided into 10,000,000,000 shares, each having a par value of VND 10,000."

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của VPBank vào ngày ..27../10/2026 tại đường dẫn: https://www.vpbank.com.vn/en/quan-he-nha-dau-tu/*This information was published on VPBank's website on October 27, 2026 at the link: https://www.vpbank.com.vn/en/quan-he-nha-dau-tu.*

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby committed that the information provided is true and correct and we are completely responsible before the law for the published information./.*

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HĐQT
ORGANIZATION REPRESENTATIVE
LEGAL REPRESENTATIVE
CHAIRMAN

M.S.D.N: 0100233... - C.T.C.P
NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
VIỆT NAM
THỊNH VƯỢNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

NGÔ CHÍ DŨNG

583 - C.T.C.P
NG
Ổ PHẦN
M
ỢNG
HÀ NỘI

Địa chỉ: 89 Láng Hạ, Phường Đống Đa, Thành phố Hà Nội
Mã số doanh nghiệp: 0100233583

Hà nội, ngày 27 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG ("VPBANK")

Số: 317 /2026/QĐ-HĐQT

V/v: Sửa đổi nội dung vốn điều lệ tại Điều lệ ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

- *Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 và các văn bản sửa đổi bổ sung;*
- *Căn cứ Điều lệ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) 2026;*
- *Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 23/07/2026.*
- *Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 212/2026/NQ-HĐQT ngày 30/07/2026.*
- *Căn cứ Văn bản số 2340/QĐ-NHNN ngày 20/10/2026 của Ngân hàng nhà nước về việc sửa đổi nội dung vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng.*

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thống nhất cập nhật nội dung vốn điều lệ mới tại Khoản 1 Điều 8 Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng 2026 như sau: "Vốn điều lệ của VPBank là: 100.000.000.000.000 đồng (*một trăm nghìn tỷ đồng chẵn*). Tổng số vốn điều lệ của VPBank được chia thành 10.000.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần"

Điều 2. Thông qua bản toàn văn Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng cập nhật nội dung thay đổi mức Vốn điều lệ tại Điều 1 như đính kèm.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận
- *Như điều 3*
- *HĐQT, BKS*
- *Lưu VP HĐQT*

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

Ngô Chí Dũng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG (VPBANK)

Tháng 10 năm 2026

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: **4**

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG **4**

Điều 1. Giải thích từ ngữ 4
Điều 2. Tên, hình thức, con dấu, trụ sở chính, mạng lưới và thời hạn hoạt động 7
Điều 3. Mục tiêu, lĩnh vực và phạm vi hoạt động 8
Điều 4. Các hoạt động chính 8
Điều 5. Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của VPBank 14
Điều 6. Giao dịch điện tử của VPBank 14
Điều 7. Kinh doanh Bất động sản 14

CHƯƠNG II: **15**

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ ĐÔNG, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU **15**

MỤC I: VỐN ĐIỀU LỆ **15**
Điều 8. Vốn điều lệ 15
Điều 9. Thay đổi vốn điều lệ 15
MỤC II: CỔ ĐÔNG **16**
Điều 10. Cổ đông 16
Điều 11. Quyền của cổ đông 17
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông 18
Điều 13. Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán và xác lập danh sách cổ đông 19
MỤC III: CỔ PHẦN **19**
Điều 14. Cổ phần 19
Điều 15. Giới hạn sở hữu cổ phần 20
Điều 16. Bán cổ phần 21
Điều 17. Thu hồi cổ phần 21
Điều 18. Chuyển nhượng cổ phần 21
Điều 19. Mua lại cổ phần, cổ phiếu 22
Điều 20. Thừa kế cổ phần 24
MỤC IV: CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU **25**
Điều 21. Cổ phiếu 25
Điều 22. Phát hành trái phiếu 25

CHƯƠNG III **26**

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ VPBANK **26**

MỤC I: CÁC QUY ĐỊNH CHUNG **26**
Điều 23. Cơ cấu tổ chức quản lý và người đại diện theo pháp luật 26
Điều 24. Hệ thống kiểm soát nội bộ 26
Điều 25. Kiểm toán nội bộ 26
Điều 26. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ 27
Điều 27. Những trường hợp không được cùng đảm nhiệm chức vụ 28
Điều 28. Những trường hợp đương nhiên mất tư cách 29
Điều 29. Miễn nhiệm, bãi nhiệm 30
Điều 30. Đình chỉ, tạm đình chỉ 31
Điều 31. Việc bầu, bổ nhiệm 31
Điều 32. Cung cấp, công bố công khai thông tin, công khai các lợi ích có liên quan 31

Điều 33. Quyền và nghĩa vụ của người quản lý, người điều hành của VPBank 33
Điều 34. Giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị chấp thuận 33
Điều 35. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc 34
MỤC II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 35
Điều 36. Đại hội đồng cổ đông 35
Điều 37. Nhiệm vụ và quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông 36
Điều 38. Họp Đại hội đồng cổ đông 37
Điều 39. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông 39
Điều 40. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông 40
Điều 41. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông 40
Điều 42. Mời họp Đại hội đồng cổ đông 41
Điều 43. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 42
Điều 44. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 42
Điều 45. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 44
Điều 46. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản 45
Điều 47. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 47
Điều 48. Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông 48
MỤC III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 49
Điều 49. Thành phần, cơ cấu và nhiệm kỳ Hội đồng quản trị 49
Điều 50. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị 50
Điều 51. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị 51
Điều 52. Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị 55
Điều 53. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị 56
Điều 54. Thông qua quyết định của Hội đồng quản trị 58
Điều 55. Thể thức họp Hội đồng quản trị 58
Điều 56. Thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản 61
Điều 57. Người phụ trách quản trị VPBank 61
MỤC IV: BAN KIỂM SOÁT 62
Điều 58. Ban kiểm soát 62
Điều 59. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát 63
Điều 60. Quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát 65
Điều 61. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát 65
Điều 62. Cuộc họp của Ban kiểm soát 66
Điều 63. Thể thức lấy ý kiến thành viên Ban kiểm soát bằng văn bản: 67
MỤC V: TỔNG GIÁM ĐỐC 67
Điều 64. Tổng Giám đốc 67
Điều 65. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc 68
Điều 66. Giúp việc cho Tổng Giám đốc 69
MỤC VI: NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN 69
Điều 67. Người lao động và công đoàn 69

CHƯƠNG IV: 69

MỐI QUAN HỆ GIỮA VPBANK VÀ CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT 69

Điều 68. Quản lý phần vốn góp của VPBank tại các doanh nghiệp khác 69
Điều 69. Chi phối, liên kết, hợp tác với Công ty con, Công ty liên kết 70
Điều 70. Quyền và nghĩa vụ của VPBank đối với Công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 70
Điều 71. Quyền và nghĩa vụ của VPBank đối với Công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần 71
Điều 72. Quan hệ giữa VPBank với các công ty liên kết 71

CHƯƠNG V: **72**

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN, THÔNG TIN-BÁO CÁO **72**

MỤC I: CÁC QUY ĐỊNH CHUNG **72**
Điều 73. Chế độ tài chính, năm tài chính 72
Điều 74. Công tác kế toán 72
Điều 75. Báo cáo 72
Điều 76. Kiểm toán độc lập 73
Điều 77. Sử dụng vốn 74
MỤC II: TRÍCH LẬP CÁC QUỸ VÀ PHÂN CHIA LỢI NHUẬN **74**
Điều 78. Trích lập các quỹ 74
Điều 79. Chia cổ tức 74
MỤC III: CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO **75**
Điều 80. Thông tin và bảo mật thông tin 75
Điều 81. Báo cáo và công bố thông tin ra công chúng 76
Điều 82. Chế độ lưu giữ tài liệu 76

CHƯƠNG VI: **77**

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN **77**

Điều 83. Giải quyết tranh chấp nội bộ 77
Điều 84. Tổ chức lại 77
Điều 85. Giải thể 77

CHƯƠNG VII: **77**

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH **77**

Điều 86. Hiệu lực của Điều lệ và điều khoản chuyển tiếp 77
Điều 87. Điều khoản cuối cùng 78

CHƯƠNG I:
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Trong Điều lệ này, trừ trường hợp ngữ cảnh cụ thể có quy định khác, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.1. "*Pháp luật*": là các Bộ luật, Luật, Pháp lệnh, Nghị định, Quyết định, Thông tư và các văn bản quy phạm pháp luật khác quy định tại Luật Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật.

1.2. "*Luật các tổ chức tín dụng*" hoặc "*Luật các TCTD*": là Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội nước Việt Nam thông qua ngày 18/01/2024 và có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2024 và Luật sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ.

1.3. "*Luật Doanh nghiệp*": là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 và Luật sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ.

1.4. "*Luật Chứng khoán*": là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ.

1.5. "*Ngân hàng Nhà nước*": là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

1.6. "*VPBank*": là Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng.

1.7. "*Ngày thành lập*": có nghĩa là ngày mà VPBank được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.

1.8. "*Vốn pháp định*": là mức vốn tối thiểu phải có theo quy định pháp luật để thành lập tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài[1].

1.9. "*Vốn điều lệ của VPBank*" là tổng mệnh giá cổ phần của VPBank đã bán cho cổ đông[2].

1.10. *"Cổ đông lớn":* là cổ đông của VPBank sở hữu từ 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của VPBank, bao gồm số cổ phần cổ đông đó sở hữu gián tiếp.[3]

1.11. *"Cổ phiếu":* là chứng chỉ do VPBank phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của VPBank.

1.12. *"Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán":* Là một tài liệu bằng văn bản, tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai hình thức này, trong đó ghi nhận thông tin về các cổ đông sở hữu cổ phần của VPBank như quy định tại Điều 13 Điều lệ này.

1.13. *"VSD" hoặc "VSDC":* Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

1.14. *"Công ty con của VPBank"*[4]: là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) VPBank hoặc VPBank và Người có liên quan của VPBank sở hữu trên 50% vốn

[1] Khoản 44 Điều 4 Luật các TCTD
[2] Khoản 42 Điều 4 Luật các TCTD
[3] Khoản 8 Điều 4 Luật các TCTD
[4] Khoản 9 Điều 4 Luật các TCTD

điều lệ hoặc trên 50% vốn cổ phần có quyền biểu quyết của công ty đó;

b) VPBank có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Tổng Giám đốc (Giám đốc) của Công ty đó;

c) VPBank có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty đó;

d) VPBank hoặc VPBank và Người có liên quan của VPBank trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của Công ty đó.

1.15. *"Người điều hành VPBank"*[5]*:* bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh của VPBank. Ngoài các chức danh này, tại VPBank không có chức danh nào tương đương và được coi là Người điều hành VPBank.

1.16. *"Người quản lý VPBank"*[6]*:* bao gồm Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc VPBank. Ngoài các chức danh này, tại VPBank không có chức danh nào tương đương và được coi là Người quản lý VPBank.

1.17. *"Người có liên quan"*[7]*:* là tổ chức, cá nhân có quan hệ với một tổ chức, cá nhân khác nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; công ty mẹ với công ty con của công ty con và ngược lại; tổ chức tín dụng với công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại; tổ chức tín dụng với công ty con của công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại; các công ty con của cùng một công ty mẹ với nhau; các công ty con của cùng một tổ chức tín dụng với nhau; các công ty con của công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng với nhau; người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát của công ty mẹ hoặc của tổ chức tín dụng, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại;

b) Công ty hoặc tổ chức tín dụng đối với người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó hoặc với công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại;

c) Công ty hoặc tổ chức tín dụng đối với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;

d) Cá nhân với vợ, chồng; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, cha dượng, mẹ kế, cha mẹ vợ, cha mẹ chồng; con đẻ, con nuôi, con riêng của vợ hoặc chồng, con dâu, con rể; anh, chị, em cùng cha mẹ; anh, chị, em cùng cha khác mẹ; anh, chị, em cùng mẹ khác cha; anh vợ, chị vợ, em vợ, anh chồng, chị chồng, em chồng, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người cùng cha mẹ hoặc cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha (sau đây gọi là vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em); ông bà nội, ông bà ngoại; cháu nội, cháu

[5] Khoản 25 Điều 4 Luật các TCTD
[6] Khoản 26 Điều 4 Luật các TCTD
[7] Khoản 24 Điều 4 Luật các TCTD

ngoại; bác ruột, cô ruột, dì ruột, chú ruột, cậu ruột và cháu ruột;

e) Công ty hoặc tổ chức tín dụng với cá nhân có mối quan hệ theo quy định tại tiểu mục d) trên đây với người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;

f) Cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp cho tổ chức, cá nhân quy định tại các tiểu mục a, b, c, d và e trên đây với tổ chức, cá nhân ủy quyền; các cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp của cùng một tổ chức với nhau.

g) Pháp nhân, cá nhân khác có mối quan hệ tiềm ẩn rủi ro cho hoạt động của VPBank được xác định theo quy định nội bộ của VPBank hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước thông qua hoạt động thanh tra, giám sát đối với từng trường hợp cụ thể.

Định nghĩa *Người có liên quan* tại khoản này áp dụng đối với các nội dung về tổ chức, hoạt động và các nội dung khác theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng; đối với việc công bố thông tin và các nội dung khác về người có liên quan quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán thì áp dụng theo các Luật đó, phù hợp với nguyên tắc áp dụng pháp luật.

1.18. "*Người có quan hệ gia đình*": bao gồm vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng[8].

1.19. "*Giấy tờ pháp lý của cá nhân*": là một trong các loại giấy tờ sau đây: thẻ Căn cước, thẻ Căn cước công dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.[9]

1.20. "*Giấy tờ pháp lý của tổ chức*": là một trong các loại giấy tờ sau đây: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.[10]

1.21. "*Giấy phép*": là Giấy phép thành lập và hoạt động của VPBank do Ngân hàng Nhà nước cấp. Văn bản của Ngân hàng Nhà nước về sửa đổi, bổ sung Giấy phép là một bộ phận không tách rời của Giấy phép.[11]

1.22. "*Thành viên độc lập Hội đồng quản trị*": là thành viên Hội đồng quản trị đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 50 của Điều lệ này.

1.23. "*Công ty liên kết của VPBank*": là công ty trong đó VPBank hoặc VPBank và người có liên quan của VPBank sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc trên 11% số cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là Công ty con của VPBank.[12]

1.24. "*Địa chỉ liên lạc*": là địa chỉ đăng ký trụ sở chính đối với tổ chức; địa chỉ thường trú hoặc nơi làm việc hoặc địa chỉ khác của cá nhân mà người đó đăng ký với VPBank để làm địa

[8] Khoản 22 Điều 4 Luật Doanh nghiệp
[9] Khoản 16 Điều 4 Luật Doanh nghiệp
[10] Khoản 17, Điều 4 Luật Doanh nghiệp
[11] Khoản 15 Điều 4 Luật các TCTD
[12] Khoản 11 Điều 4 Luật các TCTD

chỉ liên lạc.[13]

1.25. "*Phương án cơ cấu lại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt*": (sau đây gọi là ***phương án cơ cấu lại***) là một trong các phương án sau đây[14]:

- Phương án phục hồi;
- Phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp;
- Phương án chuyển giao bắt buộc;
- Phương án giải thể;
- Phương án phá sản.

1.26. "*Người nội bộ của VPBank*":[15] là Chủ tịch Hội đồng quản trị (đồng thời là người đại diện theo pháp luật), thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát; thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin. Ngoài các chức danh này, tại VPBank không có chức danh nào tương đương và được coi là Người nội bộ của VPBank.

1.27. "*VPBank*" hoặc "*Ngân hàng*": Là Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng với các thông tin cơ bản như được mô tả tại Điều 2 của Điều lệ này.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế của chúng.

3. Các tiêu đề (Chương, Mục, Điều) trong Điều lệ này được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ ngữ, thuật ngữ, khái niệm chưa được định nghĩa trong Điều lệ này, sẽ được hiểu theo các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 2. Tên, hình thức, con dấu, trụ sở chính, mạng lưới và thời hạn hoạt động

1. Tên Ngân hàng:
   a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng.
   b) Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank
   c) Tên viết tắt: VPBank.

2. Hình thức: VPBank thuộc loại hình ngân hàng thương mại được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Việc khắc, đăng ký, quản lý và sử dụng con dấu của VPBank thực hiện theo các quy định

[13] Khoản 13 Điều 4 Luật Doanh nghiệp
[14] Khoản 29 Điều 4 Luật TCTD 2024
[15] Khoản 45 Điều 4 Luật chứng khoán

của pháp luật có liên quan và các quy định nội bộ của VPBank.

4. Trụ sở chính:

a) Địa chỉ: Số 89 Láng Hạ, Phường Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

b) Website : www.vpbank.com.vn Email: ir@vpbank.com.vn

5. VPBank có thể thành lập Công ty con, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp và các hình thức hiện diện thương mại khác ở trong nước và nước ngoài để thực hiện các mục tiêu hoạt động của VPBank phù hợp với quy định của pháp luật.

6. Thời hạn hoạt động của VPBank là chín mươi chín (99) năm kể từ Ngày thành lập và có thể được gia hạn theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Mục tiêu, lĩnh vực và phạm vi hoạt động

1. Mục tiêu của VPBank là trở thành một ngân hàng bán lẻ hàng đầu trong số các ngân hàng thương mại cổ phần tại Việt Nam về quy mô hoạt động và thị phần, về chất lượng dịch vụ, trên cơ sở đó tạo ra mức lợi nhuận cao nhất cho các cổ đông, tạo việc làm ổn định và ngày càng phát triển cho người lao động, đóng góp tích cực cho ngân sách Nhà nước, cho sự phát triển chung của kinh tế và cộng đồng xã hội.

2. VPBank hoạt động kinh doanh chính trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng, thực hiện các hoạt động kinh doanh theo Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp và các hoạt động kinh doanh khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 4. Các hoạt động chính

1. VPBank thực hiện hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật liên quan, bao gồm các hoạt động sau:

a) Hoạt động ngân hàng của VPBank[16]

(i) Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.

(ii) Phát hành chứng chỉ tiền gửi.

(iii) Cấp tín dụng dưới các hình thức quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và quy định pháp luật có liên quan.

(iv) Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.

(v) Cung ứng các phương tiện thanh toán.

(vi) Cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và quy định pháp luật có liên quan.

b) Vay, gửi tiền, mua, bán giấy tờ có giá[17]

(i) VPBank được vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

(ii) VPBank được mua, bán giấy tờ có giá với Ngân hàng Nhà nước theo quy định của

[16] Điều 107 Luật các TCTD
[17] Điều 108 Luật các TCTD

Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

(iii) VPBank được cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

(iv) VPBank được vay nước ngoài theo quy định của pháp luật.

c) Mở tài khoản[18]

(i) VPBank phải mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước.

(ii) VPBank được mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.

(iii) VPBank được Mở tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

d) Tổ chức và tham gia hệ thống thanh toán[19]

(i) VPBank được tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.

(ii) VPBank được tham gia hệ thống thanh toán quốc tế theo các quy định của Luật các tổ chức tín dụng.

e) Góp vốn, mua cổ phần[20]

(i) VPBank được thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoặc tham gia góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp khác theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng.

(ii) VPBank, Công ty con của VPBank được mua, nắm giữ cổ phần của tổ chức tín dụng khác với điều kiện và trong giới hạn quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

f) Kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối và sản phẩm phái sinh của ngân hàng thương mại[21]

VPBank được kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm sau đây sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản:

(i) Ngoại hối;

(ii) Phái sinh về lãi suất, ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác.

g) Nghiệp vụ ủy thác và đại lý, giao đại lý của VPBank[22]

(i) VPBank được quyền ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong hoạt động ngân hàng, giao đại lý thanh toán theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

(ii) VPBank được thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, phù hợp với phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định

[18] Điều 109 Luật các TCTD
[19] Điều 110 Luật các TCTD
[20] Điều 111 Luật các TCTD
[21] Điều 112 Luật các TCTD
[22] Điều 113 Luật các TCTD

của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

h) Các hoạt động kinh doanh khác của VPBank[23]

(i) VPBank được được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước:

- Dịch vụ quản lý tiền mặt; dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;
- Cung ứng các dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ và các dịch vụ thanh toán khác không qua tài khoản;
- Mua, bán tín phiếu Ngân hàng Nhà nước, trái phiếu doanh nghiệp; mua, bán giấy tờ có giá khác, trừ mua, bán giấy tờ có giá quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;
- Dịch vụ môi giới tiền tệ;
- Kinh doanh vàng;
- Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán, thư tín dụng;
- Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép.

(ii) VPBank được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây theo quy định của pháp luật có liên quan:

- Mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- Phát hành trái phiếu;
- Lưu ký chứng khoán;
- Nghiệp vụ ngân hàng giám sát;
- Đại lý quản lý tài sản bảo đảm cho bên cho vay là tổ chức tài chính quốc tế, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

(iii) VPBank được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng ngoài các hoạt động quy định nêu tại tiểu mục (i) và (ii) trên theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Nội dung hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác của VPBank được ghi trong

[23] Điều 114 Luật các TCTD

Giấy phép hiện hành[24] được liệt kê dưới đây và có thể thay đổi, bổ sung theo từng thời kỳ:

a) Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác;

b) Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:

(i) Cho vay;

(ii) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;

(iii) Bảo lãnh ngân hàng;

(iv) Phát hành thẻ tín dụng;

(v) Bao thanh toán trong nước;

(vi) Các hình thức cấp tín dụng khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

c) Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.

d) Cung ứng các dịch vụ thanh toán trong nước:

(i) Cung ứng phương tiện thanh toán;

(ii) Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;

e) Mở tài khoản:

(i) Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

(ii) Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.

f) Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia;

g) Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;

h) Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư;

i) Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ khác trên thị trường tiền tệ;

j) Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp;

k) Dịch vụ môi giới tiền tệ;

l) Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính Phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

m) Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

n) Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của

[24] Khoản 1 Điều 99 Luật các TCTD, Giấy phép hiện hành của VPBank (đã được sửa đổi, bổ sung)

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

o) Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

p) Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gồm:

a) Nhận ủy thác và ủy thác cho vay;

b) Ủy thác và nhận ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp, ủy thác và nhận ủy thác góp vốn, mua cổ phần;

c) Đại lý bảo hiểm;

d) Các hoạt động ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản khác theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

q) Kinh doanh và cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định từng thời kỳ[25], bao gồm những dịch vụ sau:

(i) Dịch vụ kinh doanh và cung ứng dịch vụ ngoại hối cơ bản trên thị trường trong nước, bao gồm:

- Thực hiện các giao dịch mua bán ngoại tệ giao ngay;
- Thực hiện các giao dịch mua, bán ngoại tệ kỳ hạn, giao dịch hoán đổi ngoại tệ, giao dịch quyền chọn mua, bán ngoại tệ;
- Nhận tiền gửi, cho vay bằng ngoại tệ đối với các khách hàng không phải là tổ chức tín dụng;
- Bao thanh toán và bảo lãnh bằng ngoại tệ;
- Phát hành, đại lý phát hành thẻ ngân hàng quốc tế, thanh toán, đại lý thanh toán thẻ ngân hàng quốc tế;
- Cung cấp các dịch vụ chuyển tiền và thanh toán bằng ngoại tệ trên lãnh thổ Việt Nam; Dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ;
- Mua, bán, chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác bằng ngoại tệ;
- Giao cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác hoặc tổ chức kinh tế làm đại lý cung ứng một số dịch vụ ngoại hối, bao gồm dịch vụ đổi ngoại tệ, dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;
- Cung cấp các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản bằng ngoại hối; Nhận ủy thác cho

[25] Nội dung hoạt động ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế có thể thay đổi theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.

vay bằng ngoại tệ;

- Đại lý phát hành giấy tờ có giá bằng ngoại tệ;
- Cung ứng các dịch vụ tư vấn cho khách hàng về ngoại hối;
- Mở tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ tại các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác được phép hoạt động ngoại hối;
- Vay vốn, cho vay bằng ngoại tệ với các tổ chức tín dụng được phép khác, tổ chức tài chính trong nước;
- Gửi tiền, nhận tiền gửi bằng ngoại tệ với các tổ chức tín dụng được phép khác;
- Mở tài khoản thanh toán cho tổ chức tín dụng nước ngoài;
- Nhận tiền gửi bằng ngoại tệ từ tổ chức tín dụng nước ngoài;
- Thực hiện các giao dịch phái sinh lãi suất liên quan đến ngoại hối trên thị trường trong nước theo văn bản hướng dẫn của Ngân hàng nhà nước.
- Thực hiện các giao dịch phái sinh khác liên quan đến ngoại hối trong trên thị trường trong nước khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã có văn bản hướng dẫn và VPBank đã được Ngân hàng Nhà nước cho phép thực hiện hoạt động phái sinh đó bằng đồng Việt Nam.
- Thực hiện các hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

(ii) VPBank được kinh doanh và cung ứng dịch vụ ngoại hối cơ bản trên thị trường quốc tế, bao gồm:

- Thanh toán, chuyển tiền quốc tế;
- Mua, bán ngoại tệ giao ngay trên thị trường quốc tế;
- Thực hiện các giao dịch mua, bán ngoại tệ kỳ hạn, giao dịch hoán đổi ngoại tệ với tổ chức tài chính nước ngoài nhằm mục đích phòng ngừa, hạn chế rủi ro đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ kỳ hạn, giao dịch hoán đổi ngoại tệ đã giao kết và thực hiện với khách hàng trong nước;
- Bao thanh toán quốc tế và bảo lãnh bằng ngoại tệ;
- Cho vay ra nước ngoài đối với khách hàng không phải là tổ chức tín dụng;
- Gửi ngoại tệ ở nước ngoài (bao gồm tiền gửi có kỳ hạn và tiền gửi không kỳ hạn);
- Thực hiện các giao dịch phái sinh lãi suất liên quan đến ngoại hối trên thị trường quốc tế đã theo văn bản hướng dẫn của Ngân hàng nhà nước.
- Thực hiện các giao dịch phái sinh khác liên quan đến ngoại hối trong trên thị trường quốc tế khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã có văn bản hướng dẫn và VPBank đã được Ngân hàng Nhà nước cho phép thực hiện hoạt động phái sinh đó bằng đồng Việt Nam.
- Thực hiện các hoạt động ngoại hối khác trên thị trường quốc tế theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

r) Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất theo quy định của pháp luật và hướng

dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

s) Lưu ký chứng khoán;

t) Kinh doanh vàng miếng;

u) Ví điện tử;

v) Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ;

w) Mua nợ;

x) Ngân hàng giám sát theo pháp luật về chứng khoán;

y) Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa;

z) Giao đại lý thanh toán theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

aa) Dịch vụ ngân quỹ;

bb) Các hoạt động khác phù hợp với quy định của pháp luật hoặc được cơ quan nhà nước cấp phép, chấp thuận theo từng thời kỳ.

Điều 5. Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của VPBank[26]

1. VPBank được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng theo quy định pháp luật.

2. VPBank có quyền thỏa thuận với khách hàng về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của VPBank theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng.

Điều 6. Giao dịch điện tử của VPBank[27]

Hoạt động của VPBank được thực hiện bằng phương tiện điện tử theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

Điều 7. Kinh doanh Bất động sản[28]

VPBank không được kinh doanh bất động sản trừ các trường hợp sau đây:

1. Mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc

[26] Điều 100 Luật các TCTD
[27] Điều 105 Luật các TCTD
[28] Điều 139 Luật các TCTD

cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của VPBank;

2. Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh theo quy định pháp luật;

3. Nắm giữ bất động sản do việc xử lý nợ theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG II:

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ ĐÔNG, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU

MỤC I: VỐN ĐIỀU LỆ

Điều 8. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của VPBank là: 100.000.000.000.000 đồng (*một trăm nghìn tỷ đồng chẵn*). Tổng số vốn điều lệ của VPBank được chia thành 10.000.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. VPBank phải duy trì giá trị thực của Vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định. Giá trị thực của vốn điều lệ được xác định bằng vốn điều lệ và thặng dư vốn cổ phần, cộng lợi nhuận lũy kế chưa phân phối, trừ lỗ lũy kế chưa xử lý được phản ánh trên sổ sách kế toán.[29]

Điều 9. Thay đổi vốn điều lệ

1. VPBank có thể thay đổi vốn điều lệ khi Đại hội đồng cổ đông thông qua, Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản và phù hợp với các quy định của pháp luật.

2. Khi được chấp thuận thay đổi, VPBank phải[30]:

a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của VPBank phù hợp với thay đổi đã được chấp thuận. Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức việc cập nhật các điều khoản liên quan đến vốn điều lệ và thực hiện ban hành bản cập nhật của Điều lệ phù hợp với thay đổi đã được chấp thuận;

b) Công bố nội dung thay đổi trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận trên 01 phương tiện truyền thông của Ngân hàng Nhà nước và 01 tờ báo in trong 03 số liên tiếp hoặc trên 01 báo điện tử của Việt Nam.

3. Vốn điều lệ của VPBank có thể được tăng từ các nguồn sau:

a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ; Quỹ thặng dư cổ phần; Lợi nhuận để lại và các quỹ khác theo quy định của pháp luật;

b) Phát hành cổ phiếu ra công chúng, phát hành cổ phiếu riêng lẻ, kể cả trường hợp phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần, hoán đổi nợ, chuyển nợ thành vốn góp cổ phần...;

c) Chuyển trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông;

d) Các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

4. Các hình thức giảm vốn điều lệ của VPBank:

a) VPBank mua lại, thu hồi và hủy bỏ số lượng cổ phiếu quỹ có mệnh giá tương ứng với số

[29] Khoản 2, khoản 3 Điều 28 Luật các TCTD

[30] Khoản 4 Điều 37 Luật các TCTD

vốn dự kiến được điều chỉnh giảm;

b) Các hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật.

MỤC II: CỔ ĐÔNG

Điều 10. Cổ đông

1. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của VPBank, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần mà cổ đông sở hữu.

2. Việc cử người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức tại VPBank được thực hiện theo quy định dưới đây[31] và các quy định pháp luật khác có liên quan (nếu có):

a) Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh cổ đông đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

b) Cổ đông là tổ chức có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, số cổ phần sẽ được chia đều cho số người đại diện theo ủy quyền. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền phải được thông báo bằng văn bản đến VPBank trong thời hạn sớm nhất và chỉ có hiệu lực đối với VPBank kể từ ngày VPBank nhận được thông báo. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông;
- Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ cổ phần tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền;
- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân từng người đại diện theo ủy quyền;
- Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền;
- Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền.

c) Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: [32]

- Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp[33];
- Cổ đông là công ty có phần vốn góp hay cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn

[31] Điều 14 Luật Doanh nghiệp.
[32] Khoản 5 Điều 14 Luật Doanh nghiệp
[33] Khoản 2 Điều 17 Luật doanh nghiệp

điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết không được cử người có quan hệ gia đình của người quản lý công ty và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty làm người đại diện theo ủy quyền tại công ty khác.

Điều 11. Quyền của cổ đông[34]

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

   a) Tham dự và phát biểu ý kiến trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật quy định; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

   b) Nhận cổ tức theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

   c) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần của từng cổ đông trong VPBank;

   d) Chuyển nhượng cổ phần, quyền mua cổ phần cho cổ đông khác của VPBank hoặc tổ chức, cá nhân khác theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Điều lệ này;

   e) Xem, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

   f) Xem, tra cứu, trích lục, sao chụp Điều lệ của tổ chức tín dụng, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

   g) Được chia phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần sở hữu tại tổ chức tín dụng khi tổ chức tín dụng giải thể hoặc phá sản;

   h) Ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình;

   i) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định dưới đây nhưng danh sách ứng cử viên phải được gửi tới Hội đồng quản trị theo thời hạn do Hội đồng quản trị quy định:

      - Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm thoả mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông và trong thời hạn do Hội đồng quản trị thông báo;

      - Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát: cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng

[34] Điều 60, 61 Luật các TCTD

viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa chín (09) ứng viên.

Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đề cử.[35]

2. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết[36]:

a) Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết có các quyền như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết không được chuyển nhượng cổ phần đó cho người khác.

3. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức[37]:

a) Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức có các quyền như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức không được biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông[38]

1. Cổ đông của VPBank phải thực hiện các nghĩa vụ sau:

a) Thanh toán đủ số tiền tương ứng với số cổ phần đã cam kết mua trong thời hạn do VPBank quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của VPBank trong phạm vi số vốn đã góp vào VPBank;

b) Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi VPBank dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của VPBank, trừ trường hợp quy định tại Điều 65 của Luật các tổ chức tín dụng về việc tổ chức tín dụng mua lại cổ phần của cổ đông;

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại VPBank; không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng, nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của VPBank; không được góp vốn, mua cổ phần của VPBank dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật;

d) Tuân thủ Điều lệ và các quy định nội bộ của VPBank;

e) Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị;

f) Chịu trách nhiệm khi nhân danh VPBank dưới mọi hình thức để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

g) Bảo mật thông tin được VPBank cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và pháp

[35] Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp
[36] Khoản 4 Điều 60 Luật các TCTD
[37] Khoản 3 Điều 60 Luật các TCTD
[38] Điều 119 Luật Doanh nghiệp, Điều 62 Luật các TCTD 2024

luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; không được phát tán, sao, gửi thông tin được VPBank cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

2. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp cho VPBank thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư trong VPBank; VPBank có quyền đình chỉ quyền cổ đông của các cổ đông này trong trường hợp các cổ đông này không cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ, không chính xác về chủ sở hữu thực sự các cổ phần.

Điều 13. Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán và xác lập danh sách cổ đông[39]

1. Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán:

   a) VPBank thực hiện đăng ký danh sách người sở hữu chứng khoán của Ngân hàng với VSD theo quy định pháp luật. Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.

   b) Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán có các nội dung theo quy định của VSD trong từng thời kỳ.

   c) Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán được quản lý, theo dõi, cập nhật tập trung bởi VSD. Các danh sách bản cứng, bản mềm được cung cấp tại các thời điểm theo yêu cầu của VPBank được lưu giữ tại trụ sở chính của VPBank. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông VPBank trong danh sách cổ đông này.

   d) Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với VPBank hoặc các tổ chức có chức năng cập nhật để đăng ký cập nhật với VSD. VPBank không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.

2. Xác lập danh sách cổ đông:

   Hội đồng quản trị quyết định cụ thể về thời điểm xác lập danh sách các cổ đông được hưởng các quyền của cổ đông và phải thực hiện công bố thông tin theo quy định;

MỤC III: CỔ PHẦN

Điều 14. Cổ phần

1. Một cổ phần của VPBank có mệnh giá là 10.000 đồng (Mười nghìn đồng).

2. Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, toàn bộ cổ phần của VPBank là cổ phần phổ thông; tất cả các cổ đông của VPBank là cổ đông phổ thông.

3. Trường hợp cần thiết, VPBank có thể phát hành các loại cổ phần khác phù hợp với quy định

[39] Điều 64 Luật chứng khoán 2019;

của pháp luật.

4. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

Điều 15. Giới hạn sở hữu cổ phần[40]

1. Đối với nhà đầu tư trong nước:

a) Một cổ đông là cá nhân không được sở hữu cổ phần vượt quá 5% Vốn điều lệ VPBank.

b) Một cổ đông là tổ chức không được sở hữu cổ phần vượt quá 10% Vốn điều lệ của VPBank.

c) Cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần vượt quá 15% vốn điều lệ của VPBank.

d) Cổ đông lớn của VPBank và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 5% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng khác.

e) Việc sở hữu cổ phần vượt quá các giới hạn nêu trên được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật.

f) Tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại các điểm a và b Khoản 1 này bao gồm cả số cổ phần sở hữu gián tiếp. Tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại điểm c và điểm d Khoản 1 này bao gồm cả cổ phần do cổ đông ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần và không bao gồm sở hữu cổ phần của người có liên quan là công ty con của cổ đông đó theo quy định tại điểm a Khoản 9 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng.

Các giới hạn nêu trên thực hiện từ ngày 01/07/2024 theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng. Kể từ ngày 01/07/2024, các cổ đông, cổ đông và người có liên quan sở hữu cổ phần vượt tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại điều khoản này được tiếp tục duy trì cổ phần nhưng không được tăng thêm cổ phần cho đến khi tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, trừ trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu.[41]

2. Đối với nhà đầu tư nước ngoài: Nhà đầu tư nước ngoài được mua cổ phần của VPBank[42]:

a) Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một cá nhân nước ngoài không được vượt quá 5% vốn điều lệ của VPBank.

b) Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một tổ chức nước ngoài không được vượt quá 15% vốn điều lệ của VPBank trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này.

c) Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư chiến lược nước ngoài không được vượt quá 20% vốn điều lệ của VPBank.

d) Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư nước ngoài và người có liên quan của nhà

[40] Điều 63 Luật các TCTD 2024
[41] Khoản 11 Điều 210 Luật các TCTD
[42] Nghị định 01/2014/NĐ-CP; Nghị định 69/2025/NĐ-CP

đầu tư nước ngoài đó không được vượt quá 20% vốn điều lệ của VPBank.

e) Tổng mức sở hữu cổ phần của nước ngoài/Tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức tối đa theo quy định pháp luật.

f) Tỷ lệ sở hữu quy định tại các điểm a, b, c, d, e Khoản 2 này bao gồm cả phần vốn nhà đầu tư nước ngoài ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần.

3. Trường hợp các tổ chức, cá nhân nắm giữ trái phiếu chuyển đổi, sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu phải tuân thủ giới hạn sở hữu cổ phần tại Điều này.

Điều 16. Bán cổ phần[43]

1. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

a) Cổ phần bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở VPBank;

b) Cổ phần bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định.

c) Cổ phần bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập.

d) Trường hợp khác và mức chiết khấu theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc chào bán thêm cổ phiếu (chào bán ra công chúng, chào bán cổ phiếu riêng lẻ hoặc phát hành thêm quyền mua cổ phiếu để tăng vốn điều lệ …) thực hiện theo quy định của pháp luật chứng khoán và quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 17. Thu hồi cổ phần[44]

1. VPBank có quyền thu hồi số cổ phần mà cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phần đó trong thời hạn do VPBank thông báo phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Trình tự, thủ tục thu hồi cổ phần thực hiện theo quy định pháp luật.

Điều 18. Chuyển nhượng cổ phần[45]

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và các quy định khi phát hành hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Việc chuyển nhượng cổ phần của VPBank đã được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, đăng ký tập trung tại VSD được thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3. Các trường hợp chuyển nhượng cổ phần của cổ đông VPBank sau đây phải được Ngân hàng

[43] Điều 124, Điều 126 Luật Doanh nghiệp;
[44] Tham chiếu Điều 10 Điều lệ mẫu của Công ty đại chúng ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty đại chúng của Nghị định 155/2020/NĐ-CP ("Thông tư 116/2020TT-BTC)
[45] Điều 127 Luật Doanh nghiệp; Điều 37 Luật các TCTD, Điều 64 Luật chứng khoán.

Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi chuyển nhượng:[46]

a) Mua, nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến trở thành cổ đông lớn. Cổ đông, người mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của VPBank có trách nhiệm phối hợp với VPBank thực hiện thủ tục xin chấp thuận đối với nội dung quy định tại điểm này;

b) Trường hợp khác theo quy định pháp luật.

4. Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện phần vốn góp tại VPBank là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ. Người đại diện phần vốn góp tại khoản này không bao gồm người đại diện phần vốn góp của Nhà nước tại VPBank (nếu có)[47].

5. Trong thời gian đang xử lý các hậu quả theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, hoặc theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước do trách nhiệm cá nhân, các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ trường hợp các thành viên này:

a) Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, phá sản theo quy định pháp luật;

b) Bị bắt buộc chuyển nhượng cổ phần theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực;

c) Chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư khác nhằm thực hiện phương án phục hồi, phương án chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp, phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt[48].

Điều 19. Mua lại cổ phần, cổ phiếu

1. VPBank mua lại cổ phiếu của chính mình phải đáp ứng các điều kiện sau đây:[49]

a) Có quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc mua lại cổ phiếu để giảm vốn điều lệ, phương án mua lại, trong đó nêu rõ số lượng, thời gian thực hiện, nguyên tắc xác định giá mua lại;

b) Có đủ nguồn để mua lại cổ phiếu từ các nguồn sau đây: thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật;

c) Có công ty chứng khoán được chỉ định thực hiện giao dịch;

d) Đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật trong trường hợp VPBank thuộc

[46] Điều 37 Luật các TCTD
[47] Khoản 1 Điều 64 Luật các TCTD
[48] Khoản 2 Điều 64 Luật các TCTD
[49] Điều 36 Luật Chứng khoán

ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện;

e) Không thuộc các trường hợp sau đây[50]:

- VPBank đang có nợ phải trả quá hạn căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán; trường hợp thời điểm dự kiến mua lại cổ phiếu quá 06 tháng kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính, việc xác định nợ quá hạn được căn cứ vào báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được kiểm toán hoặc soát xét;
- VPBank đang trong quá trình chào bán, phát hành cổ phiếu để huy động thêm vốn;
- Cổ phiếu của VPBank đang là đối tượng chào mua công khai, trừ trường hợp được miễn trừ hoặc pháp luật có quy định khác đi;
- VPBank đã thực hiện việc mua lại cổ phiếu của chính mình trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày báo cáo kết quả mua lại hoặc vừa kết thúc đợt chào bán, phát hành cổ phiếu để tăng vốn không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, phát hành, trừ trường hợp được miễn trừ hoặc pháp luật có quy định khác đi.

f) Trừ trường hợp mua lại cổ phiếu tương ứng với tỷ lệ sở hữu trong VPBank hoặc mua lại cổ phiếu theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc mua lại cổ phiếu thông qua giao dịch thực hiện theo phương thức khớp lệnh, VPBank không được mua lại cổ phiếu của các đối tượng sau đây:

- Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ theo quy định của Luật chứng khoán;
- Người sở hữu cổ phiếu có hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
- Cổ đông lớn của VPBank.

2. Mua lại cổ phần, cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông[51]:

a) Cổ đông biểu quyết không thông qua quyết định về việc tổ chức lại VPBank hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại bản Điều lệ này có quyền yêu cầu VPBank mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu VPBank mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Trụ sở chính của VPBank trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.

b) VPBank phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu với mức giá do hai bên thỏa thuận. Trường hợp hai bên không thoả thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác, hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. VPBank sẽ giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn một trong số ba tổ chức đó và lựa chọn này là quyết định cuối

[50] Điều 36 Luật Chứng khoán
[51] Điều 132 Luật doanh nghiệp

cùng.

3. VPBank có thể mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của VPBank, mua lại cổ phiếu lẻ theo phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn của chủ sở hữu theo quy định pháp luật.

4. Việc mua lại cổ phần, cổ phiếu tại khoản 2, khoản 3 Điều này được miễn trừ điều kiện quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này[52].

5. Điều kiện thanh toán, việc xử lý các cổ phần được mua lại và việc giảm vốn điều lệ của VPBank (do mua lại cổ phần và nếu pháp luật có yêu cầu) sẽ thực hiện theo quy định pháp luật trong từng thời kỳ.

6. VPBank chỉ được mua lại cổ phần của cổ đông theo quy định tại Điều này nếu ngay sau khi thanh toán hết số tiền tương ứng với số cổ phần được mua lại, VPBank vẫn bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng và giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định của VPBank và đáp ứng các điều kiện liên quan khác do Ngân hàng Nhà nước quy định[53].

7. Sau khi cổ phần đã được mua lại, Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần xác nhận quyền sở hữu (nếu có) phải được huỷ bỏ ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ.

8. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của VPBank giảm hơn 10% thì VPBank phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

9. Các loại cổ phiếu quỹ do VPBank nắm giữ không được nhận cổ tức, không có quyền bầu cử hay tham gia chia phần tài sản khi VPBank giải thể.

10. Báo cáo mua lại cổ phiếu, công bố thông tin và thực hiện việc mua lại cổ phiếu: thực hiện theo quy định của pháp luật chứng khoán và các quy định của VPBank ban hành trong từng thời kỳ.

Điều 20. Thừa kế cổ phần

1. Việc thừa kế cổ phần thực hiện theo quy định của Điều lệ này, Bộ luật Dân sự, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Việc đăng ký thông tin người thừa kế tại Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán của VPBank thực hiện theo các quy định, hướng dẫn của VSD và quy định pháp luật liên quan. Người thừa kế trở thành cổ đông của VPBank tại ngày được VSD ghi nhận vào danh sách cổ đông, được hưởng các quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông tính trên số cổ phần mà họ được thừa kế phù hợp với quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Người thừa kế cổ phần của các cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác không đương nhiên được thừa kế quyền nắm

[52] Khoản 2 Điều 36 Luật chứng khoán
[53] Điều 65 Luật TCTD 2024

giữ các chức danh đó.

MỤC IV: CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU

Điều 21. Cổ phiếu[54]

1. Cổ phiếu VPBank là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của VPBank. Cổ phiếu có thể là bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử. Cổ phiếu của VPBank được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh và đăng ký tại VSD.
2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do VPBank phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc VPBank phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với VPBank.
3. Cổ phiếu của VPBank không được sử dụng để làm tài sản bảo đảm cho các khoản VPBank cấp tín dụng.
4. Trường hợp phát hành cổ phiếu dưới hình thức chứng chỉ, thì trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cổ đông thanh toán đủ số tiền cam kết mua cổ phần VPBank phải phát hành cổ phiếu mới cho các cổ đông.
5. Trường hợp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần bị mất, bị hư hỏng, hoặc bị huỷ hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được VPBank cấp lại theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:
   a) Giấy chứng nhận thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị huỷ hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cổ đông cam đoan đã công bố thông tin trên các phương tiện có tính đại chúng trong vòng 15 ngày và nếu tìm lại được sẽ đem trả cho VPBank để tiêu huỷ;
   b) Thông tin về Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác.
   c) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần mới.

Điều 22. Phát hành trái phiếu[55]

1. VPBank có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật nhưng phải tuân thủ các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật chứng khoán và các quy định pháp luật khác có liên quan
2. Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, phương án phát hành trái phiếu kèm theo chứng quyền.
3. Hội đồng quản trị có thẩm quyền quyết định phương án phát hành trái phiếu trong nước, trái

[54] Điều 121 Luật Doanh nghiệp, khoản 5 Điều 134 Luật TCTD 2024, khoản 2 Điều 4 Luật chứng khoán 2019.

[55]Khoản 3 Điều 20 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điểm c Khoản 3 Điều 18 Luật Chứng khoán; Khoản 2 Điều 13 và Khoản 1 Điều 28 Nghị định 153/2020/NĐ-CP

phiếu chào bán tại nước ngoài, trừ phương án phát hành trái phiếu thuộc thẩm quyền quy định của Đại Hội đồng cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Thẩm quyền quyết định việc niêm yết trái phiếu thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ VPBANK

MỤC I: CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 23. Cơ cấu tổ chức quản lý và người đại diện theo pháp luật[56]

1. Cơ cấu tổ chức quản lý của VPBank bao gồm:
   a) Đại hội đồng cổ đông;
   b) Hội đồng quản trị;
   c) Ban kiểm soát;
   d) Tổng Giám đốc
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của VPBank.

Điều 24. Hệ thống kiểm soát nội bộ

1. VPBank phải xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ để bảo đảm các yêu cầu sau đây[57]:
   a) Hiệu quả và an toàn trong hoạt động; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;
   b) Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời;
   c) Tuân thủ pháp luật và các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ.
   d) Các yêu cầu khác theo quy định pháp luật từng thời kỳ;
2. Việc đánh giá một phần hoặc toàn bộ hệ thống kiểm soát nội bộ thực hiện theo quy định pháp luật.

Điều 25. Kiểm toán nội bộ[58]

1. Kiểm toán nội bộ là bộ phận thuộc Ban kiểm soát, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban kiểm soát, thực hiện kiểm toán nội bộ của VPBank.
2. Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan về tính thích hợp và sự tuân thủ cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm VPBank hoạt động an

[56] Khoản 1 Điều 40 Luật các TCTD
[57] Khoản 2 Điều 57 Luật các TCTD.
[58] Điều 58 Luật các TCTD

toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

3. Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo Ban Kiểm Soát và gửi Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.

4. Tổ chức hoạt động, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của bộ phận Kiểm toán nội bộ; chính sách và kế hoạch kiểm toán nội bộ; chế độ báo cáo và lưu hồ sơ tài liệu của bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 26. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ[59]

1. Những người sau đây không được là Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Tổng giám đốc (Giám đốc) Công ty con của VPBank:[60]

   a) Người chưa thành niên; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự;

   b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;

   c) Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;

   d) Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích;

   e) Cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại tổ chức tín dụng hoặc được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát tổ chức tín dụng theo yêu cầu nhiệm vụ;

   f) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại VPBank;

2. Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc của VPBank và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán trưởng hoặc là người phụ trách tài chính của VPBank.[61]

3. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc của VPBank[62]:

   a) Người thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này;

   b) Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp

[59] Điều 42 Luật các TCTD
[60] Khoản 2 Điều 42 Luật các TCTD
[61] Khoản 3 Điều 42 Luật các TCTD
[62] Khoản 1 Điều 42 Luật các TCTD

tác xã theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;

c) Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng Giám đốc (giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát của doanh nghiệp, thành viên hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã đó bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ;

d) Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên khác của Ban Kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 47 của Luật các TCTD hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép;

e) Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc của VPBank, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 69 của Luật các tổ chức tín dụng.

f) Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

g) Những trường hợp khác theo quy định pháp luật.

Điều 27. Những trường hợp không được cùng đảm nhiệm chức vụ[63]

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị của VPBank không được đồng thời là người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của VPBank và tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác.[64]

2. Thành viên Hội đồng quản trị của VPBank tuân thủ các trường hợp không được đồng thời đảm nhiệm chức danh, chức vụ khác theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 5 Thông tư 83/2025/TT-NHNN trong thời gian hiệu lực của điều khoản này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị của VPBank không phải là thành viên độc lập không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:[65]

a) Người điều hành VPBank, trừ trường hợp là Tổng giám đốc của VPBank;

b) Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành công ty con của VPBank hoặc của công ty mẹ của VPBank hoặc trường hợp thực hiện phương án chuyển giao

[63] Điều 43 Luật các tổ chức tín dụng
[64] Khoản 1 Điều 43 Luật các TCTD
[65] Khoản 2 Điều 43 Luật các TCTD

bắt buộc đã được phê duyệt;

c) Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.

4. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của VPBank không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:[66]

a) Người điều hành VPBank;

b) Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác; người quản lý trên 02 doanh nghiệp khác;

c) Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.

5. Thành viên Ban kiểm soát của VPBank không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành, nhân viên của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt:[67]

a) Người quản lý, người điều hành của VPBank, tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác; nhân viên của VPBank hoặc công ty con của VPBank;

b) Nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị của VPBank là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó.

6. Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc VPBank không được đồng thời là người quản lý, người điều hành, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác, trừ trường hợp Phó tổng giám đốc VPBank là người quản lý, người điều hành công ty con của VPBank hoặc của công ty mẹ của VPBank[68].

Điều 28. Những trường hợp đương nhiên mất tư cách[69]

1. Những trường hợp sau đây đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của VPBank:

a) Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 42 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 26 Điều lệ này;

b) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông của VPBank khi tổ chức

[66] Khoản 3 Điều 43 Luật các TCTD
[67] Khoản 4 Điều 43 Luật các TCTD
[68] Khoản 5 Điều 43 Luật các TCTD
[69] Điều 45 Luật các TCTD

đó bị chấm dứt tồn tại;

c) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;

d) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

e) Khi VPBank bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;

f) Khi hợp đồng thuê Tổng Giám đốc hết hiệu lực.

g) Chết.

2. Hội đồng quản trị của VPBank phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc nhân sự đương nhiên mất tư cách theo quy định tại điểm a, b, c, d, f và g Khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhân sự đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.

3. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của VPBank vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 29. Miễn nhiệm, bãi nhiệm[70]

1. Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại Điều 45 của Luật các tổ chức tín dụng và Điều 28 Điều lệ này, Chủ tịch, thành viên khác Hội đồng quản trị, Trưởng ban, thành viên khác của Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của VPBank bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức gửi Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát của VPBank;

b) Bãi nhiệm khi không tham gia hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Bãi nhiệm khi không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41 của Luật các Tổ chức tín dụng, Điều 50 Điều lệ này (Đối với Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị), Khoản 7 Điều 58 Điều lệ này (Đối với Trưởng ban và thành viên Ban Kiểm soát), Khoản 2 Điều 64 Điều lệ này (đối với Tổng giám đốc);

d) Bãi nhiệm khi thành viên độc lập Hội đồng quản trị không đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 41 và khoản 3 Điều 43 của Luật các Tổ chức tín dụng;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm bất cứ lúc nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị; Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát; Tổng giám đốc của VPBank phải chịu trách nhiệm về các quyết

[70] Điều 46 Luật các TCTD

định của mình trong thời gian đương nhiệm.

4. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị VPBank phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.

Điều 30. Đình chỉ, tạm đình chỉ[71]

1. Ngân hàng Nhà nước có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban, các thành viên khác của Ban kiểm soát, người điều hành VPBank vi phạm quy định tại Điều 43, Khoản 10 Điều 48 của Luật các tổ chức tín dụng hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao hoặc không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện của định tại Điều 41 của Luật các tổ chức tín dụng; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết.

2. Ban kiểm soát đặc biệt có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiên quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị; Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát; người điều hành của VPBank bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt nếu xét thấy cần thiết.

3. Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều này phải có trách nhiệm tham gia xử lý các tồn tại và vi phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát của VPBank hoặc Ban Kiểm soát đặc biệt.

Điều 31. Việc bầu, bổ nhiệm[72]

1. Danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của VPBank phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi bầu, bổ nhiệm các chức danh này. Những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của VPBank phải thuộc danh sách đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận. Trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm các chức danh nêu trên thực hiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

2. VPBank phải thông báo cho Ngân hàng nhà nước danh sách những người được bầu, bổ nhiệm các chức danh theo quy định tại Khoản 1 Điều này trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày bầu, bổ nhiệm.

Điều 32. Cung cấp, công bố công khai thông tin, công khai các lợi ích có liên quan[73]

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc của VPBank phải công khai với VPBank các thông tin sau đây:

   a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình hoặc mình và Người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 5% vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho

[71] Điều 47 Luật các TCTD
[72] Điều 44 Luật các TCTD
[73] Điều 49 Luật các TCTD, Điều 164 Luật doanh nghiệp

tổ chức, cá nhân khác đứng tên;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và Người có liên quan đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc).

c) Thông tin về Người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;

d) Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.

2. Cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của VPBank phải cung cấp cho VPBank các thông tin sau đây:

a) Họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp của cổ đông là người nước ngoài; số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương của cổ đông là tổ chức; ngày cấp, nơi cấp của giấy tờ này;

b) Thông tin về người có liên quan theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

c) Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình tại VPBank;

d) Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của người có liên quan của mình tại VPBank.

3. Đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải gửi VPBank bằng văn bản cung cấp thông tin lần đầu và khi có thay đổi các thông tin này trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.

Đối với thông tin tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này, cổ đông chỉ phải cung cấp thông tin cho VPBank khi có mức thay đổi về tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình và người có liên quan từ 01% vốn điều lệ trở lên của VPBank so với lần cung cấp liền trước.

4. VPBank phải niêm yết, lưu giữ thông tin quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này tại trụ sở chính của VPBank và gửi báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày VPBank nhận được thông tin cung cấp. Định kỳ hằng năm, VPBank công bố thông tin quy định tại các điểm a, b, d khoản 1 và các điểm a, c, d khoản 2 Điều này với Đại hội đồng cổ đông của VPBank.

5. VPBank phải công bố công khai thông tin về họ và tên cá nhân, tên tổ chức là cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của VPBank và thông tin quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này trên trang thông tin điện tử của VPBank trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày VPBank nhận được thông tin cung cấp.

6. Đối tượng cung cấp, công bố công khai thông tin phải bảo đảm thông tin cung cấp, công bố

công khai trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp, công bố công khai thông tin đó.

Điều 33. Quyền và nghĩa vụ của người quản lý, người điều hành của VPBank[74]

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ VPBank, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
2. Thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của VPBank, cổ đông của VPBank;
3. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của VPBank, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của VPBank để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác làm tổn hại tới lợi ích của VPBank, cổ đông của VPBank;
4. Chịu trách nhiệm trong việc chấp hành các quy định hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng.
5. Bảo đảm lưu trữ hồ sơ của VPBank để cung cấp được các số liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành, kiểm soát mọi hoạt động của Ngân hàng, hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm tra của Ngân hàng Nhà nước;
6. Am hiểu về các loại rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng;
7. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho VPBank về quyền lợi của mình có được ở các tổ chức khác, các giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của VPBank và chỉ tham gia vào giao dịch đó khi được Hội đồng quản trị chấp thuận;
8. Không được tạo điều kiện để bản thân hoặc người có liên quan của mình vay vốn, sử dụng các dịch vụ ngân hàng khác của VPBank với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của VPBank;
9. Không được tăng thù lao, lương hoặc yêu cầu trả thưởng cho người quản lý, người điều hành khi VPBank bị lỗ;
10. Trong phạm vi quyền, nghĩa vụ được giao, có trách nhiệm thực hiện yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của Ngân hàng Nhà nước. Thực hiện khuyến nghị, cảnh báo rủi ro và an toàn hoạt động, cảnh báo nguy cơ dẫn đến vi phạm pháp luật về tiền tệ và ngân hàng; kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra.
11. Được hưởng thù lao, tiền lương và lợi ích khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan;
12. Được tham gia quản lý, điều hành hoạt động của VPBank trong phạm vi quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của VPBank và quy định của pháp luật có liên quan;
13. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.

Điều 34. Giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị chấp thuận

1. Hợp đồng, giao dịch (trừ trường hợp bị pháp luật cấm hoặc hạn chế) giữa VPBank với các

[74] Điều 165 Luật Doanh nghiệp, Điều 48 Luật các TCTD

đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:[75]

a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc;

b) Cổ đông lớn của VPBank ;

c) Người có liên quan của Người quản lý VPBank, thành viên Ban Kiểm soát, Cổ đông lớn của VPBank;

d) Doanh nghiệp là Công ty con, công ty liên kết của VPBank. Việc phê duyệt, chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa VPBank với Công ty con, công ty liên kết trong trường hợp đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc sẽ được thực hiện theo Luật các tổ chức tín dụng.

e) Những trường hợp khác theo quy định pháp luật (nếu có). Cấp có thẩm quyền phê duyệt trong trường hợp này thực hiện theo quy định pháp luật.

2. Các hợp đồng, giao dịch nêu tại các điểm a, b, c, d Khoản 1 Điều này, nếu có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên của VPBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.[76]

3. Các hợp đồng, giao dịch nêu tại các điểm a, b, c, d Khoản 1 Điều này, nếu có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của VPBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất trở xuống, thì phải được Hội đồng quản trị chấp thuận[77].

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho VPBank khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.[78]

5. VPBank thực hiện công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 35. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc[79]

1. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định trên cơ sở tình hình thực tế, hiệu quả kinh doanh của VPBank và đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật trong từng thời kỳ.

2. Tiền lương, thưởng và các lợi ích khác của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị xem xét, quyết định.

3. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được trả theo quy định sau đây:

a) Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của

[75] Điểm r Khoản 3 Điều 67, Khoản 9 Điều 70 Luật các TCTD
[76] Điểm r Khoản 3 Điều 67 Luật các TCTD
[77] Khoản 9 Điều 70 Luật các TCTD
[78] Khoản 5 Điều 167 Luật doanh nghiệp
[79] Điều 163, 172 Luật Doanh nghiệp

thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày.;

b) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm Soát được thực hiện theo quy định sau đây:

a) Thành viên Ban Kiểm Soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;

b) Tùy thuộc và tính chất, phạm vi công việc của từng thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát có thể được ký Hợp đồng lao động với VPBank. Thành viên Ban Kiểm Soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

5. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác và tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của VPBank theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của VPBank, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

6. Hội đồng quản trị quyết định nguyên tắc, cơ chế chi trả chung. Trên cơ sở phù hợp với tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm, Chủ tịch Hội đồng quản trị xác định mức chi trả cụ thể cho các thành viên Hội đồng quản trị và Trưởng Ban Kiểm soát xác định mức chi trả cụ thể cho các thành viên khác của Ban kiểm soát.

MỤC II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 36. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của VPBank. [80]

2. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật và phải tuân thủ quy định tại Điều

[80] Khoản 1 Điều 138 Luật Doanh nghiệp

10 Điều lệ này.

Điều 37. Nhiệm vụ và quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông[81]

1. Thông qua định hướng phát triển của VPBank;
2. Thông qua Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ VPBank. Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện việc ban hành, công bố Điều lệ cập nhật các nội dung thay đổi, điều chỉnh tại Điều lệ tương ứng các vấn đề đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt/chấp thuận/thông qua.
3. Thông qua quy định, quy chế về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, quy chế quản trị nội bộ;
4. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát từng nhiệm kỳ; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Điều lệ này;
5. Quyết định mức thù lạo, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
6. Xem xét và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho VPBank và cổ đông của VPBank;
7. Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý của VPBank;
8. Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;
9. Thông qua việc mua lại cổ phần đã bán;
10. Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi;
11. Thông qua phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm theo quy định tại Điều 143 của Luật các tổ chức tín dụng.
12. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của VPBank;
13. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
14. Quyết định thành lập hoặc chuyển đổi các hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài, Công ty con của VPBank;
15. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của VPBank tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của VPBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
16. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của VPBank mà mức đầu tư, giá mua

[81] Điều 138 Luật Doanh nghiệp, Điều 67 Luật các TCTD, khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP (đã sửa đổi, bổ sung)

dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của VPBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

17. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của VPBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa VPBank với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Cổ đông lớn của VPBank; người có liên quan của Người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, Cổ đông lớn của VPBank; Công ty con, công ty liên kết của VPBank, trừ trường hợp ngân hàng thương mại đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc.

18. Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản VPBank;

19. Quyết định lựa chọn công ty kiểm toán độc lập đáp ứng yêu cầu theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước để kiểm toán báo cáo tài chính và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo; bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;

20. Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của VPBank.

Điều 38. Họp Đại hội đồng cổ đông[82]

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm họp một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.

2. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính; trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Hình thức họp đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của pháp luật có liên quan. Đại hội đồng cổ đông thường niên thường thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

   a) Các chỉ tiêu chính trong kế hoạch kinh doanh hằng năm của VPBank;

   b) Báo cáo tài chính hằng năm;

   c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của từng thành viên Hội đồng quản trị;

   d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của VPBank, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;

   e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát/kiểm soát viên theo quy

[82] Điều 139, 140 Luật Doanh nghiệp; Điều 67 Luật các TCTD.

định pháp luật;

f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau: [83]

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của VPBank;

b) Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại Khoản 2 Điều 49 Điều lệ này;[84]

c) Số thành viên của Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại Khoản 2 Điều 58 Điều lệ này;[85]

d) Theo yêu cầu bằng văn bản của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của VPBank trở lên[86]. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính, đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của VPBank, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.[87]

e) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;[88]

f) Quyết định nội dung theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của VPBank;[89]

g) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày xảy ra các sự kiện nêu trên, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm g Khoản 3 Điều này

4. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. [90].

5. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông

[83] Khoản 2 Điều 67 Luật các TCTD
[84] Điểm b Khoản 2 Điều 67 và Khoản 1 Điều 69 Luật các TCTD
[85] Điểm c Khoản 2 Điều 67 và Khoản 2 Điều 51 Luật các TCTD
[86] Điểm d Khoản 2 Điều 67 Luật các TCTD
[87] Khoản 18 Điều 1 Luật Doanh nghiệp sửa đổi (sửa đổi Khoản 4 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020)
[88] Điểm đ Khoản 2 Điều 67 Luật các TCTD
[89] Điểm e Khoản 2 Điều 67 Luật các TCTD
[90] Khoản 2 Điều 140 Luật Doanh nghiệp

trở lên có quyền đại diện VPBank triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.[91]

6. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức Đại hội đồng cổ đông:

   a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

   b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

   c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

   d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

   e) Dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

   f) Xác định thời gian và địa điểm họp;

   g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan.

7. Chi phí hợp lý cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 3, 4, và 5 của Điều này sẽ được VPBank hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

8. Trong trường hợp Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 và 4 Điều này thì phải chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật.

Điều 39. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông[92]

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

   a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

   b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

   c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình

[91] Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp
[92] Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;

e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện điện tử khác do VPBank quy định/thông báo cho cổ đông trước Đại hội.

Việc cổ đông tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác, gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử hoặc bằng phương tiện điện tử khác được triển khai căn cứ tình hình thực tế từng thời kỳ, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và việc lưu trữ tài liệu cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm việc lưu trữ Phiếu biểu quyết của cổ đông).

4. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản Văn bản ủy quyền theo mẫu của VPBank, trường hợp không theo mẫu của VPBank thì phải được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp . Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với VPBank)[93].

5. Số lượng người đại diện theo ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Cá nhân là cổ đông VPBank chỉ được ủy quyền cho tối đa 01 (một) người dự họp Đại hội đồng cổ đông.

b) Tổ chức là cổ đông của VPBank sở hữu dưới 10% tổng số cổ phần phổ thông được ủy quyền cho tối đa 01 (một) người dự họp Đại hội đồng cổ đông.

c) Tổ chức là cổ đông của VPBank sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên được ủy quyền cho tối đa 03 (ba) người dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 40. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông[94]

Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán của VPBank do VSD quản lý. Việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo các quy chế, quy định của VSD và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 41. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông[95]

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết; chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông của VPBank trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải

[93] Điều 16 Điều lệ mẫu Công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC
[94] Tham chiếu một phần Điều 141 Luật Doanh nghiệp.
[95] Điều 142 và khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

bằng văn bản và được gửi đến VPBank chậm nhất bảy (07) ngày làm việc[96] trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 2 Điều này thì chậm nhất hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị nếu có một trong các trường hợp sau đây:

   a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều này;

   b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

   c) Kiến nghị của cổ đông không vì lợi ích chung của VPBank.

   d) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định của Điều lệ VPBank;

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 42. Mời họp Đại hội đồng cổ đông[97]

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mốt (21) ngày[98] trước ngày khai mạc, cụ thể như sau:

   a) Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông (bao gồm việc gửi thư điện tử, tin nhắn, thư qua đường bưu điện hoặc các phương thức phù hợp khác theo quy định của VPBank từng thời kỳ) và đăng trên trang thông tin điện tử của VPBank, công bố thông tin theo quy định;

   b) Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, Mã số doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của VPBank; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông; thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp (nếu có).

2. Kèm theo thông báo mời họp phải có mẫu chỉ định đại diện theo uỷ quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

3. Thông báo mời họp và các tài liệu gửi kèm theo sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của VPBank và được công bố thông tin, báo cáo tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở

[96] Theo Điều 142 Luật Doanh nghiệp
[97] Điều 143Luật Doanh nghiệp.
[98] Khoản 1 Điều 143 Luật Doanh nghiệp

giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo quy định pháp luật có liên quan.

Điều 43. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông[99]

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 42 Điều lệ này.

Điều 44. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông[100]

1. Việc bầu Chủ toạ, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:

   a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số các thành viên Hội đồng quản trị làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ toạ thì Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ toạ cuộc họp[101];

   b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

   c) Chủ tọa có quyền chỉ định thêm không quá hai người cùng tham gia điều hành cuộc họp;

   d) Chủ toạ cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

   e) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị

[99] Điều 145 Luật Doanh nghiệp.
[100] Điều 146 Luật Doanh nghiệp.
[101] Điểm a khoản 2 Điều 146 Luật doanh nghiệp

của chủ toạ cuộc họp.[102]

2. Đăng ký dự họp:

   a) Vào ngày khai mạc cuộc họp, các cổ đông và người được ủy quyền dự họp phải có mặt tại địa điểm họp đúng thời gian đã được thông báo để làm thủ tục đăng ký dự họp. Khoảng thời gian dành cho việc đăng ký thực hiện theo thông báo mời họp;

   b) Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết hoặc phiếu biểu quyết hoặc phiếu bầu cử tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp;

   c) Hết thời gian dành cho việc đăng ký, nếu đã đủ tỷ lệ tối thiểu để tiến hành cuộc họp, Chủ tọa có thể cho bắt đầu cuộc họp để bảo đảm tiến độ, không cần phải chờ đến khi có đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp;

   d) Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết các vấn đề ngay sau khi đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi[103].

3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ toạ có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa tổ chức công bố trước khi bế mạc cuộc họp;

6. Trước và trong khi diễn ra cuộc họp, người triệu tập họp hoặc chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:

   a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

   b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ toạ, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

7. Chủ toạ có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp và chỉ được hoãn cuộc họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường các trường hợp sau đây:

   a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

   b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp

[102] Khoản 2 Điều 146 Luật Doanh nghiệp.
[103] Khoản 6 Điều 146 Luật Doanh nghiệp.

tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

d) Thời gian hoãn tối đa là ba ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

8. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 7 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ toạ điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

9. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông cũng có thể được tổ chức theo hình thức họp trực tuyến, trực tiếp kết hợp trực tuyến hoặc hình thức họp khác phù hợp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp này sẽ áp dụng các biện pháp công nghệ hiện đại để cổ đông có thể tham dự và/hoặc phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, biểu quyết thông qua bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc các hình thức điện tử khác.

Điều 45. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông[104]

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều này, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận hoặc khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản[105].

3. Quyết định về các vấn đề sau đây phải được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận hoặc khi được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản:

(i) Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới của từng loại sẽ chào bán;

(ii) Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của VPBank mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của VPBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

4. Quyết định về việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản VPBank phải được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.[106]

5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới hoặc bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết

[104] Khoản 4 Điều 67 Luật các TCTD
[105] Điểm b Khoản 4 Điều 67 Luật các TCTD
[106] Điểm d Khoản 4 Điều 67 Luật các TCTD

tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo quy định tại quy chế bầu cử của VPBank từng thời kỳ.

6. Quyết định về các nội dung sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:[107]

   (i) Thông qua định hướng phát triển của VPBank;

   (ii) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát từng nhiệm kỳ; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Điều lệ này.

   (iii) Xem xét và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho VPBank và cổ đông của VPBank;

   (iv) Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản VPBank;

7. Các nghị quyết, quyết định được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định, vi phạm Luật doanh nghiệp và Điều lệ này[108].

8. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được công bố thông tin, thông báo đến cổ đông theo quy định pháp luật có liên quan.

Điều 46. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản[109]

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của VPBank, trừ các vấn đề bắt buộc phải được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ này.

2. Việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản cũng có thể được tổ chức theo hình thức bỏ phiếu điện tử. Trong trường hợp đó, một, một số hoặc toàn bộ các công việc liên quan đến việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản sẽ được thực hiện trên hệ thống điện tử trên nguyên tắc đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật.

3. Hội đồng quản trị tổ chức việc chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết, quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi đến cho cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng cổ đông có quyền biểu quyết, hoặc gửi thư điện tử từ địa chỉ thư điện tử của VPBank (*vanphonghdqt@vpbank.com.vn hoặc ir@vpbank.com.vn hoặc địa chỉ thư điện tử khác do Hội đồng quản trị quyết định và công bố chính thức trên website của VPBank*) đến địa chỉ thư điện tử của cổ đông đăng ký

[107] Khoản 5 Điều 67 Luật các TCTD
[108] Khoản 2 Điều 152 Luật doanh nghiệp
[109] Điều 149 Luật Doanh nghiệp

với VPBank hoặc VSD chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.

4. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của VPBank;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về VPBank phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

5. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến/ý kiến đã trả lời đến VPBank theo một trong các hình thức sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về VPBank phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử hoặc hình thức khác, phiếu lấy ý kiến/ý kiến đã trả lời gửi về VPBank phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

6. Các phiếu lấy ý kiến, các ý kiến đã trả lời gửi về VPBank sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử đều không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến/ý kiến không được gửi về được coi là không tham gia biểu quyết.

7. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý VPBank. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của VPBank;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết, quyết định;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi

phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e) Vấn đề đã được thông qua và tỉ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

8. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của VPBank trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

9. Trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu, tất cả các nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được gửi đến Ngân hàng Nhà nước[110].

10. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của VPBank.

11. Nghị quyết, quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 47. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông[111]

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của VPBank;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên của Chủ toạ và thư ký;

e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số

[110] Điều 68 Luật các TCTD
[111] Điều 150 Luật doanh nghiệp

phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký của chủ toạ và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng một thứ tiếng nước ngoài, và hai bản này có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì nội dung trong biên bản được lập bằng tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

4. Chủ toạ và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

5. Trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp, tất cả các nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được gửi đến Ngân hàng Nhà nước.

6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty theo quy định pháp luật.

Điều 48. Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông[112]

1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 Điều 45 Điều lệ này;

b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

2. Trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc tại cơ quan Tòa án, Trọng tài thực hiện theo các quy định pháp luật có liên quan.

3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường

[112] Điều 151 Luật Doanh nghiệp

hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền[113].

MỤC III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 49. Thành phần, cơ cấu và nhiệm kỳ Hội đồng quản trị[114]

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị VPBank, có toàn quyền nhân danh VPBank để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của VPBank, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị của VPBank có tối thiểu năm (05) thành viên và không quá mười một (11) thành viên; số lượng thành viên cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 02 thành viên độc lập, hai phần ba tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành VPBank.[115]

3. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người là người đại diện vốn góp của một tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị, nhưng không được vượt quá hai (02) thành viên của Hội đồng quản trị, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, bên nhận chuyển giao bắt buộc.[116]

4. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác đi. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.[117]

5. Trường hợp Hội đồng quản trị có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại Khoản 2 Điều 49 Điều lệ này, trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, VPBank phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 166 của Luật các tổ chức tín dụng.[118]

6. Hội đồng quản trị sử dụng con dấu của VPBank để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

7. Hội đồng quản trị có bộ phận giúp việc. Chức năng, nhiệm vụ của bộ phận giúp việc cho Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị quy định.

8. Hội đồng quản trị phải thành lập các Ủy ban, Hội đồng để giúp Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cụ thể như sau:

   a) Hội đồng quản trị phải thành lập tối thiểu 02 Ủy ban là: Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy

[113] Khoản 3 Điều 152 Luật Doanh nghiệp
[114] Điều 50, Điều 69 Luật các TCTD
[115] Điều 69 Luật các TCTD
[116] Khoản 3 Điều 69 Luật các TCTD
[117] Khoản 3 Điều 154 Luật Doanh nghiệp
[118] Khoản 2 Điều 50 Luật các TCTD

ban nhân sự để giúp Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Mỗi ủy ban phải đảm bảo cơ cấu nhân sự theo quy định pháp luật.

b) Hội đồng quản trị quy định quy chế làm việc, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ chế phán quyết đối với các ý kiến đề xuất của các Ủy ban trên và các Ủy ban, Hội đồng khác phù hợp với quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và các quy định pháp luật hiện hành (nếu có).

9. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị[119]

a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông thực hiện đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định Điều lệ này.

b) Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử của cổ đông, nhóm cổ đông vẫn không đủ số lượng cần thiết và thấp hơn số lượng mà họ được quyền đề cử thì Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử thêm.

c) VPBank thực hiện việc công bố thông tin về ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật.

Điều 50. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị[120]

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau[121]:

a) Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật các tổ chức tín dụng và Điều 26 Điều lệ này;

b) Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

c) Có trình độ từ đại học trở lên;

d) Có một trong các điều kiện sau đây: Có ít nhất ba (03) năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng; có ít nhất năm (05) năm là người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng là công ty cổ phần; có ít nhất năm (05) năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; có ít nhất năm (05) năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán[122].

2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho VPBank hoặc Công ty con của VPBank hoặc đã làm việc cho VPBank hoặc Công ty con của VPBank trong ba (03) năm liền kề

[119] Khoản 3 Điều 274 Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Điều 25 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
[120] Điều 41 Luật các TCTD
[121] Khoản 1 Điều 41 Luật các TCTD
[122] Điểm d Khoản 1 Điều 41 Luật các TCTD

trước đó;

b) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của VPBank, ngoài những khoản thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng;

c) Không có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của VPBank, người quản lý hoặc thành viên Ban Kiểm soát của VPBank hoặc Công ty con của VPBank;

d) Không đại diện sở hữu cổ phần của VPBank; không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của VPBank

e) Không phải là người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của VPBank tại bất kỳ thời điểm nào trong năm (05) năm liền kề trước đó.

Điều 51. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị[123]

1. Hội đồng quản trị có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a) Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều 37 Điều lệ này.

b) Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của VPBank; quyết định việc sửa đổi, bổ sung các nội dung liên quan tới việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp;

c) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Người điều hành khác, các chức danh khác thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ của Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị có thể phân cấp về thẩm quyền quyết định cụ thể trong phạm vi này, theo các quy định nội bộ của VPBank.

d) Cử người đại diện phần vốn góp, người đại diện theo ủy quyền của VPBank tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác;

e) Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của VPBank tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của VPBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.

f) Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của VPBank mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của VPBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đối với giao dịch, hoạt động nêu tại điểm (f) này mà có giá trị dưới 10% vốn điều lệ của VPBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, Hội đồng quản trị thực hiện ban hành cơ chế phán quyết, trong đó bao

[123] Điều 153 Luật Doanh nghiệp; Điều 70 Luật các TCTD; Điều lệ mẫu của Công ty đại chúng và Điều 27 Mẫu Quy chế Tổ chức hoạt động của Hội đồng quản trị ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

gồm nguyên tắc xác định các cá nhân, đơn vị được quyền phê duyệt, đảm bảo phù hợp tình hình thực tế của VPBank.

g) Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 136 của Luật các tổ chức tín dụng, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

h) Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của VPBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa VPBank với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Cổ đông lớn của VPBank; Người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của VPBank; Công ty con, công ty liên kết của VPBank;

i) Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của VPBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Đối với giao dịch, hoạt động nêu tại điểm (i) này mà có giá trị dưới 10% vốn điều lệ của VPBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, Hội đồng quản trị thực hiện tổ chức và ban hành cơ chế phán quyết, trong đó bao gồm nguyên tắc xác định các cá nhân, đơn vị được quyền phê duyệt, đảm bảo phù hợp tình hình thực tế của VPBank.

j) Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công; định kỳ hằng năm đánh giá về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc.

k) Ban hành quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị, hoạt động của VPBank phù hợp với quy định pháp luật có liên quan (bao gồm cả Quy chế về công bố thông tin), trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Ban Kiểm soát;

l) Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của tổ chức tín dụng;

m) Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên;

n) Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán;

o) Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của VPBank

p) Quyết định mua lại cổ phần của VPBank theo phương án được duyệt;

q) Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

r) Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát;

s) Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị, chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

t) Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại

hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;

u) Thông báo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc;

v) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của VPBank.

w) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

x) Quyết định hoặc ban hành quy định về việc huy động thêm vốn cho VPBank theo mọi hình thức không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông ;

y) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

z) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và các chức danh khác theo quy định của Hội đồng quản trị;

aa) Quyết định, tổ chức triển khai, ban hành văn bản nội bộ để thực hiện vai trò chủ sở hữu, cổ đông hoặc thành viên góp vốn tại các công ty, tổ chức tín dụng khác là công ty con, công ty liên kết hoặc công ty có phần vốn góp, cổ phần của VPBank (bao gồm nhưng không giới hạn việc đề cử/bổ nhiệm/miễn nhiệm thành viên hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó);

bb) Quyết định cơ cấu tổ chức nội bộ, quy chế quản lý nội bộ của VPBank .

cc) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

dd) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;

ee) Phê duyệt việc ký hợp đồng với công ty kiểm toán trong danh sách các tổ chức kiểm toán độc lập được Đại hội đồng cổ đông quyết định, lựa chọn thông qua;

ff) Tổ chức ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện việc ban hành và công bố Điều lệ, cập nhật các nội dung thay đổi, điều chỉnh tại Điều lệ tương ứng các vấn đề đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt/chấp thuận/thông qua;

gg) Đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận các vấn đề theo quy định của pháp luật;

hh) Quyết định phương án phát hành trái phiếu của VPBank (bao gồm cả trái phiếu chào bán tại nước ngoài), trừ trường hợp phát hành trái phiếu thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo Điều lệ này;

ii) Quy định các vấn đề liên quan việc điều động vốn, điều chuyển tài sản giữa các đơn vị trong nội bộ VPBank.

jj) Thực hiện các nhiệm vụ, công việc do Đại hội đồng cổ đông phân công, phân cấp,

giao cho theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

kk) Quy định các vấn đề liên quan đến thanh lý những tài sản kém, mất phẩm chất; tài sản hư hỏng không có khả năng phục hồi; tài sản lạc hậu kỹ thuật không có nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng không có hiệu quả và không thể nhượng bán nguyên trạng; tài sản đã sử dụng vượt quá thời gian sử dụng theo quy định mà không thể tiếp tục sử dụng. Hội đồng quản trị có thể phân cấp về thẩm quyền quyết định cụ thể trong phạm vi này, theo các quy định nội bộ của VPBank.

ll) Quy định các vấn đề liên quan đến cơ chế quyết định mức bồi thường khi thực hiện xử lý tổn thất về tài sản tại VPBank. Hội đồng quản trị có thể phân cấp về thẩm quyền quyết định cụ thể trong phạm vi này, theo các quy định nội bộ của VPBank.

mm) Phê duyệt kế hoạch tài chính hàng năm của VPBank.

nn) Quyết định, phê duyệt và triển khai các nội dung liên quan đến Phương án cơ cấu lại VPBank theo quy định pháp luật hoặc theo yêu cầu của Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

oo) Quyết định, phê duyệt và triển khai các thỏa thuận, các vấn đề phát sinh liên quan đến cổ đông nước ngoài, bao gồm nhưng không giới hạn các thỏa thuận về quản trị, điều hành, nhân sự, vận hành … và hoạt động của VPBank.

pp) Quyết định sửa đổi, bổ sung, tu chỉnh, thay đổi các nội dung liên quan đến việc nhận chuyển giao bắt buộc và nội dung phương án chuyển giao bắt buộc, điều chỉnh phương án chuyển giao bắt buộc phù hợp quy định của pháp luật (bao gồm nhưng không hạn chế các nội dung, thời hạn cụ thể của phương án chuyển giao bắt buộc; các giao dịch, biện pháp hỗ trợ đối với VPBank và/hoặc TCTD được chuyển giao bắt buộc phù hợp với điều kiện thực tế khi triển khai phương án; phê duyệt nội dung hợp đồng, giao dịch cụ thể của VPBank với TCTD được chuyển giao bắt buộc và các bên liên quan và toàn bộ nội dung có liên quan khác); và quyết định, thực hiện các công việc khác liên quan tới việc thực hiện, triển khai phương án chuyển giao bắt buộc.

qq) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này, các quy định pháp luật có liên quan, theo nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

2. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, Điều lệ này hoặc nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông mà thiệt hại cho VPBank thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho VPBank; thành viên phản đối thông qua quyết định nêu trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông của VPBank có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên[124].

3. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công

[124] Khoản 4 Điều 153 Luật Doanh nghiệp

ty có quyền và nghĩa vụ sau đây[125]:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị VPBank;

d) Hỗ trợ VPBank trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ này.

Điều 52. Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị[126]

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số thành viên Hội đồng quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị[127]. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam trong suốt nhiệm kỳ.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ toạ cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Thay mặt Hội đồng quản trị ký văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

d) Tổ chức việc thông qua quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị;

e) Giám sát, tổ chức giám sát việc thực hiện các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị;

f) Làm chủ toạ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông,

g) Bảo đảm thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét;

h) Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng quản trị;

i) Giám sát các thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ

[125] Khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp
[126] Điều 156, Khoản 1 Điều 157 Luật Doanh nghiệp; Điều 71 Luật các TCTD.
[127] Khoản 1 Điều 157 Luật Doanh nghiệp

và nhiệm vụ được phân công;

j) Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Hội đồng quản trị thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.

k) Định kỳ hàng năm đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên Hội đồng quản trị, các Ủy ban của Hội đồng quản trị và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này;

l) Thực hiện các nhiệm vụ, công việc do Đại hội đồng cổ đông phân công, phân cấp, giao cho theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Nghị quyết của Hội đồng quản trị;

m) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Điều lệ này;

n) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm[128].

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên khác trong Hội đồng quản trị để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 53. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị[129]

1. Thực hiện các quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của VPBank và cổ đông; phát huy tính độc lập của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

2. Xem xét báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành VPBank, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ

[128] Khoản 7 Điều 4 Mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và khoản 4 Điều 29 Điều lệ mẫu ban hành theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC

[129] Điều 72 Luật các TCTD; Điều 159 Luật doanh nghiệp; Điều 277 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

giải trình, làm rõ các vấn đề có liên quan đến báo cáo;

3. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường.

4. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và Điều lệ này; Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những quyết định của mình. Trường hợp nội dung biểu quyết có xung đột lợi ích với thành viên nào thì thành viên đó không được tham gia biểu quyết.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định nội dung quy định tại các khoản 2, 4, 6, 7, 8, 9, 10, 12, 13, 14 và 18 Điều 70 của Luật các tổ chức tín dụng.

6. Thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của Hội đồng quản trị;

7. Giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi được yêu cầu;

8. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của VPBank theo quy định của pháp luật[130].

9. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

10. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa VPBank, công ty con, công ty do VPBank nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa VPBank với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

11. Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị;

12. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc những người quản lý khác của VPBank cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của VPBank và của các Đơn vị, Công ty con VPBank[131];

13. Từng thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

14. Được VPBank mua bảo hiểm trách nhiệm. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và vi phạm các quy định tại Điều lệ này.

15. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật có

[130] Điểm đ khoản 2 Điều 277 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
[131] Điều 159 Luật Doanh nghiệp, Điều 277 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

liên quan.

Điều 54. Thông qua quyết định của Hội đồng quản trị[132]

1. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản, thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của VPBank từng thời kỳ[133]. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

2. Đối với trường hợp thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số phiếu biểu quyết tán thành, bao gồm cả phiếu biểu quyết của thành viên trực tiếp dự họp và phiếu biểu quyết của thành viên không trực tiếp dự họp mà biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người chủ tọa cuộc họp (trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp)[134].

3. Đối với trường hợp thông qua quyết định bằng lấy ý kiến bằng văn bản, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết tán thành.

4. Đối với trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.[135]

Điều 55. Thể thức họp Hội đồng quản trị[136]

1. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của VPBank hoặc ở nơi khác. Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể bằng hình thức họp mặt trực tiếp, hoặc họp trực tuyến (ví dụ, họp thông qua điện thoại - teleconference, họp thông qua video – videoconference hoặc các phương tiện điện tử khác), với điều kiện là (đối với cuộc họp trực tuyến (ví dụ, họp thông qua điện thoại, họp thông qua video hoặc các phương tiện điện tử khác)) mỗi thành viên tham gia họp đều có thể: (a) nghe từng thành viên khác của Hội đồng quản trị tham gia phát biểu trong cuộc họp; và (b) phát biểu ý kiến với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời, nếu muốn. Địa điểm cuộc họp trực tuyến là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

2. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu

[132] Điều 153; 157 Luật Doanh nghiệp
[133] Điểm c khoản 9 Điều 157 Luật Doanh nghiệp .
[134] Khoản 12 Điều 157 Luật Doanh nghiệp
[135] Khoản 10 Điều 157 Luật Doanh nghiệp
[136] Điều 157 Luật Doanh nghiệp.

cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị. Cuộc họp Hội đồng quản trị này sẽ bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây[137]:

   a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

   b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm người quản lý khác;

   c) Có đề nghị của ít nhất hai thành viên của Hội đồng quản trị;

   d) Các trường hợp các quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan.

4. Đề nghị nêu tại Khoản 3 này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với VPBank; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Khi triệu tập họp, người triệu tập họp phải gửi thông báo mời họp chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp được gửi bằng giấy mời, điện thoại, bưu điện, fax, thư điện tử, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại VPBank. Trường hợp khẩn cấp, người triệu tập họp có thể thông báo mời họp một (01) ngày làm việc trước ngày họp; các tài liệu liên quan có thể được gửi cho các thành viên ngay tại cuộc họp. Cụ thể về các trường hợp họp khẩn cấp, thời gian và hình thức thông báo mời họp khẩn cấp được thực hiện theo quy định nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

7. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường

[137] Khoản 3 Điều 157 Luật Doanh nghiệp

hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều lệ này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị/họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết/Gửi ý kiến đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ này.

8. Biên bản họp Hội đồng quản trị[138]:

a) Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp
- Thời gian, địa điểm họp;
- Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp; tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Vấn đề được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên, chữ ký của chủ tọa, người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Điểm e Khoản này.

b) Chủ toạ, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

c) Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị phải được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng một thứ tiếng nước ngoài và hai bản này có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì nội dung trong biên bản được lập bằng tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

d) Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của VPBank.

e) Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp và đồng ý thông qua biên bản và có đầy đủ nội dung theo quy định thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp

[138] Điều 158 Luật Doanh nghiệp (đã được sửa đổi, bổ sung)

chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với VPBank do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ VPBank và pháp luật có liên quan.

Điều 56. Thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản

Việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản được thực hiện thông qua giấy tờ vật lý, email hoặc các phương tiện, công cụ được chính sách và quy trình quản lý nội bộ VPBank chấp thuận, bao gồm nhưng không giới hạn bởi hệ thống quản lý hồ sơ văn bản, workflow điện tử… tại từng thời điểm.

Điều 57. Người phụ trách quản trị VPBank[139]

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị VPBank để hỗ trợ hoạt động quản trị VPBank được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị VPBank do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị VPBank phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

   a) Không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của VPBank;

   b) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Người phụ trách quản trị VPBank có các quyền và nghĩa vụ sau:

   a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa VPBank và cổ đông;

   b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

   c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

   d) Tham dự các cuộc họp;

   e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

   f) Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin

[139] Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của VPBank;

h) Là đầu mối liên lạc giữa các bên có quyền lợi liên quan.

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ VPBank;

j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ VPBank.

MỤC IV: BAN KIỂM SOÁT

Điều 58. Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu, thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Ban kiểm soát của VPBank có năm (05) thành viên[140] Ban kiểm soát bầu một thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

3. Ban Kiểm soát có bộ phận kiểm toán nội bộ, bộ phận giúp việc để thực hiện nhiệm vụ của mình.

4. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

5. Trường hợp Ban kiểm soát có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, VPBank phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 của Luật các tổ chức tín dụng.

6. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Ban Kiểm soát[141]:

a) Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 42 Luật các tổ chức tín dụng;
b) Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;
c) Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;
d) Có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;
e) Không phải là người có liên quan của người quản lý VPBank;
f) Trưởng ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

Thành viên Ban kiểm soát phải đảm bảo các trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ

[140] Khoản 2 Điều 51 Luật các Tổ chức tín dụng
[141] Điều 41 Luật các TCTD, Điều 286 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

theo quy định tại Điều 43 Luật các tổ chức tín dụng;

7. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát[142]

a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông thực hiện đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát theo quy định Điều lệ này.

b) Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử của cổ đông, nhóm cổ đông vẫn không đủ số lượng cần thiết và thấp hơn số lượng mà họ được quyền đề cử thì Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử thêm.

c) VPBank thực hiện việc công bố thông tin về ứng cử viên Ban kiểm soát theo quy định pháp luật.

Điều 59. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát[143]

1. Giám sát hoạt động quản trị, điều hành VPBank trong việc tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị VPBank; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Điều lệ của VPBank.
2. Ban hành quy định nội bộ của Ban Kiểm soát theo quy định pháp luật từng thời kỳ; định kỳ hằng năm, xem xét lại quy định nội bộ của Ban Kiểm soát, quy định nội bộ của VPBank về kế toán, báo cáo;
3. Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành VPBank, có quyền sử dụng các nguồn lực của VPBank để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát.
4. Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hằng năm của VPBank; báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính; đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
5. Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của VPBank thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
6. Giám sát việc chấp hành các quy định tại Chương VII của Luật các tổ chức tín dụng về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng.
7. Kiểm tra sổ sách kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của VPBank khi xét thấy cần thiết hoặc trong các trường hợp sau đây:
   a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
   b) Theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước hoặc của cổ đông lớn, nhóm cổ đông lớn phù

[142] Khoản 1 Điều 285 Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Điều 36 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

[143] Điều 52 Luật các TCTD

hợp với quy định của pháp luật. Việc kiểm tra được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu.

Để thực hiện công việc này tất cả các bộ phận liên quan trong ngân hàng cần thực hiện cung cấp hồ sơ, tài liệu, các trao đổi giải trình ngay khi Ban kiểm soát có yêu cầu và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu việc cung cấp chậm trễ làm ảnh hưởng đến thời gian kiểm tra của Ban kiểm soát.

8. Kịp thời thông báo cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị khi phát hiện người quản lý, người điều hành VPBank có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy định nội bộ của VPBank, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có):

- Đối với hành vi vi phạm của người quản lý là Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị: Kịp thời thông báo cho Đại hội đồng cổ đông;
- Đối với hành vi vi phạm của người quản lý, người điều hành khác: Kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị.

9. Lập danh sách cổ đông sáng lập trong thời hạn 05 năm kể từ ngày là cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của VPBank, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.

10. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Điều lệ của VPBank.

11. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật các tổ chức tín dụng hoặc vượt quá thẩm quyền được giao hoặc trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.

12. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.

13. Kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước về các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 6, 8 và 11 Điều này và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, người có liên quan theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng.

14. Quy định cơ cấu tổ chức,chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ phận kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật[144];

15. Giám sát, đánh giá việc thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ; Giám sát, đánh giá bộ phận kiểm toán nội bộ, Trưởng kiểm toán nội bộ trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định Pháp luật và quy định nội bộ của Ban kiểm soát từng thời kỳ (nếu có)[145].

16. Ban hành kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm theo đề nghị của Trưởng kiểm toán nội bộ

---

[144] Tham khảo Điều 6 Thông tư 83/2025/TT-NHNN (đã sửa đổi, bổ sung)

[145] Điều 13, Thông tư 13/2018/TT-NHNN (đã sửa đổi, bổ sung, có hiệu lực đến hết 30/06/2026); Điều 13 Thông tư 83/2025/TT-NHNN (Có hiệu lực từ 01/07/2026);

sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc[146];

17. Phê duyệt báo cáo hàng năm về Kiểm toán nội bộ và phê duyệt báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ để gửi Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc[147];

18. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 60. Quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát[148]

1. Tổ chức triển khai việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 52 Luật các tổ chức tín dụng và Điều lệ này;
2. Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát;
3. Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát;
4. Thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định tại Khoản 11 Điều 52 Luật các tổ chức tín dụng hoặc đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường;
5. Tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị, có quyền phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.
6. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị nếu ý kiến đó khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông;
7. Chuẩn bị kế hoạch làm việc của Ban kiểm soát và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Kiểm soát;
8. Bảo đảm các thành viên Ban Kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban Kiểm soát phải xem xét;
9. Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban Kiểm soát trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát;
10. Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của Trưởng Ban Kiểm soát trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ;
11. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật.

Điều 61. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát[149]

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ của VPBank, quy định nội bộ của Ban Kiểm soát và thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Trưởng ban kiểm soát để triển khai nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của VPBank và của cổ đông; chịu

[146] Khoản 2 Điều 70 Thông tư 13/2018/TT-NHNN (đã sửa đổi, bổ sung, có hiệu lực đến hết 30/06/2026); Khoản 2 Điều 69 Thông tư 83/2025/TT-NHNN (Có hiệu lực từ 01/07/2026)

[147] Điểm b Khoản 4 và Điểm d Khoản 2 Điều 9 Thông tư 83/2025/TT-NHNN

[148] Điều 53 Luật các TCTD.

[149] Điều 54 Luật các TCTD.

trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình;

2. Bầu một thành viên Ban kiểm soát làm Trưởng Ban Kiểm soát;
3. Yêu cầu Trưởng Ban Kiểm soát triệu tập họp Ban Kiểm soát bất thường;
4. Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục;
5. Yêu cầu người quản lý báo cáo, giải trình về thực trạng tài chính, kết quả kinh doanh của công ty con, kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và quyết định khác trong quản lý, điều hành VPBank.
6. Yêu cầu người quản lý, người điều hành, nhân viên của VPBank cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công;
7. Báo cáo Trưởng Ban Kiểm soát về các hoạt động tài chính bất thường của VPBank và chịu trách nhiệm về những đánh giá và kết luận của mình;
8. Tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó;
9. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật.

Điều 62. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất. Ban kiểm soát có thể họp tại trụ sở chính của VPBank hoặc ở nơi khác. Cuộc họp Ban kiểm soát có thể bằng hình thức họp mặt trực tiếp hoặc họp trực tuyến;

2. Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên hoặc thông qua người ủy quyền dự họp. Trường hợp triệu tập họp Ban kiểm soát định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập tiếp cuộc họp Ban kiểm soát lần hai trong thời gian không quá 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Ban kiểm soát dự họp. Sau hai lần triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát không đủ số thành viên tham dự, Trưởng Ban kiểm soát phải thông báo cho Hội đồng quản trị biết và xem xét các biện pháp giải quyết tiếp theo. Mỗi thành viên Ban kiểm soát có một phiếu biểu quyết. Nếu thành viên Ban kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể uỷ quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban kiểm soát khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay. Thành viên Ban kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó, đồng thời cũng không được nhận uỷ quyền của thành viên Ban kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó;

3. Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được ít nhất 51% thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát hoặc Người được ủy quyền của Trưởng Ban kiểm soát;

4. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chính thức bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, phải được tất cả các thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản.

Điều 63. Thể thức lấy ý kiến thành viên Ban kiểm soát bằng văn bản:

Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên Ban kiểm soát bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Ban kiểm soát thông thường nếu:

a) Được sự nhất trí bằng văn bản của ít nhất 51% số thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;

b) Số lượng thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Ban kiểm soát.

MỤC V: TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 64. Tổng Giám đốc[150]

1. Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của VPBank, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Tổng Giám đốc:[151]

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật các tổ chức tín dụng và Điều 26 Điều lệ này;

b) Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

c) Có trình độ từ Đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;

d) Có một trong các điều kiện sau đây: Có ít nhất 05 năm là người điều hành của tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định của Ngân hàng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán[152].

e) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm. Tổng Giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế[153]. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm điều hành hoạt động hàng ngày của VPBank trong thời gian chờ Ngân hàng Nhà nước chấp thuận danh sách dự

[150] Điều 64, Điều 162 Luật Doanh nghiệp; Điều 55, 56 Luật các TCTD.
[151] Khoản 4 Điều 41 Luật các TCTD
[152] Khoản 4 Điều 41 Luật các TCTD.
[153] Khoản 2 Điều 162 Luật Doanh nghiệp

kiến người được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc khi nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc đã hết, ngoại trừ trường hợp Hội đồng quả trị có quyết định khác. Trường hợp khuyết Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị của VPBank phải bổ nhiệm Tổng giám đốc trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày khuyết Tổng giám đốc.

Điều 65. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc[154]

1. Tổng Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

b) Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của VPBank mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

c) Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả.

d) Lập và trình Hội đồng quản trị thông qua hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua các báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác;

e) Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; Thiết lập các quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin quản lý;

f) Báo cáo với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động và kết quả kinh doanh của VPBank theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

g) Quyết định áp dụng các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về những quyết định đó, kịp thời báo cáo Hội đồng quản trị;

h) Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức quản lý và hoạt động ngân hàng trình Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền

i) Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo quy định tại Điều lệ này;

j) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý, điều hành và các chức danh khác theo quy định nội bộ của VPBank, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

k) Ký kết hợp đồng, giao dịch khác nhân danh VPBank theo quy định tại Điều lệ này và các quy định khác có liên quan;

l) Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

m) Tuyển dụng lao động; Quyết định lương, thưởng và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động theo thẩm quyền;

n) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của VPBank;

o) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức nội bộ, quy chế quản lý nội bộ của VPBank;

p) Thực hiện các nhiệm vụ, công việc do Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phân công, phân cấp, giao cho theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị;

q) Xây dựng kế hoạch tài chính, kế hoạch kinh doanh cho năm tiếp theo căn cứ vào phương hướng hoạt động kinh doanh hàng năm và trình Hội đồng quản trị phê duyệt.

[154] Điều 162 Luật Doanh nghiệp; Điều 56 Luật các TCTD.

Căn cứ vào kế hoạch tài chính, kế hoạch kinh doanh đã được Hội đồng quản trị phê duyệt, Tổng Giám đốc giao kế hoạch và chỉ tiêu thực hiện cho các đơn vị;

r) Phê duyệt phương án sử dụng vốn vay nước ngoài, phương án cơ cấu lại khoản vay nước ngoài ;

s) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của VPBank theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng lao động ký với VPBank và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho VPBank thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho VPBank.

Điều 66. Giúp việc cho Tổng Giám đốc

Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng/Ban/Trung tâm tại Hội sở chính; Giám đốc các Chi nhánh và các chức danh, hội đồng, ủy ban, bộ phận khác theo quy định của VPBank.

MỤC VI: NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 67. Người lao động và công đoàn

1. Việc thành lập và hoạt động công đoàn của người lao động tại VPBank thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng Quy chế, quy định liên quan đến việc tuyển dụng, thuê lao động, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng - kỷ luật và các vấn đề liên quan đối với người lao động của VPBank cũng như quan hệ giữa VPBank với tổ chức công đoàn, trình Hội đồng quản trị thông qua trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật và phù hợp với quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG IV:

MỐI QUAN HỆ GIỮA VPBANK VÀ CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Điều 68. Quản lý phần vốn góp của VPBank tại các doanh nghiệp khác

1. Hội đồng quản trị VPBank quyết định, tổ chức triển khai và/hoặc ban hành văn bản nội bộ để thực hiện việc cử người đại diện theo ủy quyền của VPBank quản lý, đại diện phần vốn góp của VPBank và thực hiện các quyền, nghĩa vụ của VPBank tại các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp mà VPBank tham gia góp vốn, mua cổ phần (bao gồm cả các Công ty con, Công ty liên kết), phù hợp với quy định của VPBank và Điều lệ của các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp nhận góp vốn.

2. VPBank quyết định mức góp vốn, mua cổ phần để thành lập, điều chỉnh mức góp vốn, mua cổ phần tại các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp khác phù hợp với chiến lược và kế hoạch kinh doanh của VPBank.

3. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo ủy quyền/người đại diện phần vốn góp của VPBank tại các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp khác theo quy định của Hội đồng quản trị

và quy định pháp luật từng thời kỳ.

Điều 69. Chi phối, liên kết, hợp tác với Công ty con, Công ty liên kết

1. Đối với các Công ty con, Công ty liên kết, VPBank thực hiện quyền chi phối, kiểm soát và các quyền khác của chủ sở hữu, thành viên góp vốn hoặc cổ đông phù hợp quy định pháp luật, quy định của VPBank và Điều lệ của Công ty con, Công ty liên kết đó, bao gồm một, một số hoặc hoặc tất cả các nội dung sau:

a) Phê duyệt hoặc biểu quyết việc phê duyệt (theo thẩm quyền) Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty con, Công ty liên kết.

b) Phê duyệt hoặc biểu quyết việc phê duyệt (theo thẩm quyền) định hướng, phương hướng, chiến lược kinh doanh.

c) Phê duyệt hoặc biểu quyết việc phê duyệt (theo thẩm quyền) kế hoạch hoạt động hàng năm.

d) Phê duyệt hoặc biểu quyết việc phê duyệt (theo thẩm quyền) các phương án kinh doanh của Công ty con, Công ty liên kết, việc đầu tư ra ngoài của Công ty con, Công ty liên kết.

e) Nhận và thông qua hoặc biểu quyết thông qua (theo thẩm quyền) các báo cáo quản lý và các báo cáo tài chính đã được kiểm toán hàng năm của Công ty con, Công ty liên kết.

f) Hợp tác, liên kết với Công ty con, Công ty liên kết để thực hiện các hoạt động, kinh doanh phù hợp quy định pháp luật và thỏa thuận các bên.

g) Hưởng lợi nhuận và thanh toán chi phí phát sinh; chịu rủi ro đối với phần vốn của VPBank góp vốn, mua cổ phần vào các Công ty con, Công ty liên kết.

h) Các nội dung khác theo Điều lệ của các Công ty con, Công ty liên kết, quy định của VPBank và phù hợp quy định pháp luật.

Các công ty con và Công ty liên kết của VPBank sẽ được gọi chung trong Điều lệ này là "Đơn vị thành viên". VPBank sẽ hỗ trợ cho các Đơn vị thành viên bằng cách xác định và đưa ra định hướng phát triển chung trên cơ sở phát huy được thế mạnh của các Đơn vị thành viên và bảo đảm tối ưu lợi ích chung của VPBank với các Đơn vị thành viên. Hoạt động hợp tác, hỗ trợ thương mại, đầu tư giữa các Đơn vị thành viên được xác định trên cơ sở điều kiện thương mại, hài hòa lợi ích giữa các bên và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. VPBank sẽ không trực tiếp quyết định hoặc trực tiếp tham gia quản lý đối với các Công ty con, Công ty liên kết, trừ trường hợp theo quy định pháp luật y và trường hợp thực hiện phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật. Quy định này không loại trừ quyền của người đại diện của VPBank tham gia vào bộ máy quản lý, điều hành, kiểm soát tại các Công ty con, Công ty liên kết.

Điều 70. Quyền và nghĩa vụ của VPBank đối với Công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

VPBank thực hiện quyền, nghĩa vụ tại Điều 69 Điều lệ và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. VPBank quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Thực hiện các quyền của chủ sở hữu, bao gồm nhưng không giới hạn[155]:

a) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng thành viên

b) Bổ nhiệm người đại diện theo ủy quyền để thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu

c) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng Ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng

d) Quyết định thay đổi mức vốn điều lệ của công ty con; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty con và chuyển đổi hình thức pháp lý của công ty con

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty con

f) Quyết định tổ chức lại, giải thể, yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản công ty con

g) Quyết định mức thù lao, lương, thưởng, lợi ích khác của Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên, Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc).

3. VPBank thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác của chủ sở hữu theo quy định tại Điều lệ này, Điều lệ của Công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, quy định của Luật Doanh nghiệp, phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 71. Quyền và nghĩa vụ của VPBank đối với Công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần

VPBank thực hiện quyền, nghĩa vụ tại Điều 69 Điều lệ này và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. VPBank thực hiện quyền của cổ đông, thành viên góp vốn thông qua người đại diện của mình thực hiện quyền và nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông, là thành viên trong Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của Công ty con là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

2. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này, Điều lệ của các Công ty con tương ứng và quy định có liên quan của Luật Doanh nghiệp, phương án cơ cấu lại được phê duyệt theo quy định của pháp luật và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 72. Quan hệ giữa VPBank với các công ty liên kết

VPBank có quyền và nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn đối với các Công ty liên kết theo Điều lệ của các công ty liên kết đó, hợp đồng góp vốn, mua cổ phần và thỏa thuận giữa các cổ đông, thành viên góp vốn, phù hợp quy định pháp luật.

[155] Điều 73 Luật Các TCTD 2024

CHƯƠNG V:
CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN, THÔNG TIN-BÁO CÁO

MỤC I: CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 73. Chế độ tài chính, năm tài chính[156]

1. Chế độ tài chính của VPBank thực hiện theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật khác có liên quan.
2. Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn về chế độ tài chính, VPBank xây dựng chính sách, quy chế tài chính của mình trình Hội đồng quản trị phê duyệt để làm căn cứ thực hiện.
3. Năm tài chính của VPBank bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.
4. VPBank tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh của mình, thực hiện nghĩa vụ và các cam kết của mình theo quy định của pháp luật.

Điều 74. Công tác kế toán

1. VPBank thực hiện công tác kế toán theo quy định của Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.
2. VPBank lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan.[157]
3. VPBank sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam, ký hiệu quốc gia là "đ", ký hiệu quốc tế là "VND". Trong trường hợp nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh bằng ngoại tệ, thì đơn vị kế toán phải ghi theo nguyên tệ và Đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái thực tế, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; đối với loại ngoại tệ không có tỷ giá hối đoái với Đồng Việt Nam thì phải quy đổi thông qua một loại ngoại tệ có tỷ giá hối đoái với Đồng Việt Nam[158].

Điều 75. Báo cáo[159]

1. VPBank thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê. VPBank thực hiện báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.
2. Ngoài báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này, VPBank báo cáo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước trong các trường hợp sau đây:
   a) Phát sinh diễn biến bất thường trong hoạt động nghiệp vụ có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh doanh của VPBank;
   b) Có thay đổi về tổ chức, quản trị, điều hành, tình hình tài chính của cổ đông lớn và các thay đổi khác có ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của

[156] Tham chiếu Điều 151 Luật TCTD.
[157] Khoản 2 Điều 54 Mẫu Điều lệ ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC
[158] Khoản 1 Điều 10 Luật Kế toán
[159] Điều 152 Luật TCTD.

VPBank; mua, bán, chuyển nhượng cổ phần của cổ đông lớn.

c) Thay đổi tên chi nhánh của VPBank; tạm ngừng giao dịch dưới 05 ngày làm việc; niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán trong nước.

3. Công ty con, công ty liên kết của VPBank gửi báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động của mình cho Ngân hàng Nhà nước khi được yêu cầu.

4. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, VPBank gửi Ngân hàng Nhà nước báo cáo hàng năm theo quy định của pháp luật.

5. VPBank phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

6. Việc công khai các báo cáo tài chính của VPBank được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 76. Kiểm toán độc lập

1. Trước khi kết thúc năm tài chính, VPBank phải lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước để kiểm toán báo cáo tài chính, thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo . Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập, VPBank phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn.[160]

2. Trong quá trình kiểm toán, VPBank có nghĩa vụ[161]:

a) Cung cấp đầy đủ, chính xác, trung thực, kịp thời, khách quan thông tin, tài liệu cần thiết theo yêu cầu của kiểm toán viên hành nghề và doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, tài liệu đã cung cấp.

b) Thực hiện yêu cầu của kiểm toán viên hành nghề và doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam về việc thu thập bằng chứng kiểm toán theo yêu cầu của chuẩn mực kiểm toán và điều chỉnh các sai sót để báo cáo kiểm toán không có ý kiến ngoại trừ đối với các nội dung không được ngoại trừ theo quy định pháp luật. Trường hợp không điều chỉnh sai sót theo ý kiến của doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam, VPBank phải giải trình bằng văn bản theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

c) Phối hợp, tạo điều kiện cho kiểm toán viên hành nghề thực hiện kiểm toán.

d) Không được có hành vi hạn chế phạm vi các vấn đề cần kiểm toán.

e) Xem xét đề nghị của doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam về tồn tại, sai sót trong báo cáo tài chính và trong việc tuân

[160] Điều 59 Luật các TCTD
[161] Điều 39 Luật kiểm toán độc lập (đã được sửa đổi, bổ sung)

thủ pháp luật để có biện pháp khắc phục kịp thời.

f) Thông báo kịp thời, đầy đủ các vi phạm pháp luật và vi phạm hợp đồng kiểm toán trong hoạt động kiểm toán của kiểm toán viên hành nghề và doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

g) Thanh toán phí dịch vụ kiểm toán theo thỏa thuận trong hợp đồng.

h) Trường hợp ký hợp đồng kiểm toán với một doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam từ ba năm liên tục trở lên thì phải yêu cầu doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam thay đổi kiểm toán viên hành nghề ký báo cáo kiểm toán.

i) Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Việc kiểm toán cụ thể các hoạt động của VPBank được thực hiện theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng, pháp luật về kiểm toán và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 77. Sử dụng vốn[162]

1. VPBank được sử dụng vốn để phục vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định theo quy định của pháp luật.

2. VPBank được quyền thay đổi cơ cấu vốn và tài sản phục vụ cho việc phát triển hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật.

3. Việc điều động vốn, tài sản giữa các chi nhánh của VPBank được thực hiện theo quy chế nội bộ do cấp có thẩm quyền của VPBank ban hành.

MỤC II: TRÍCH LẬP CÁC QUỸ VÀ PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 78. Trích lập các quỹ

1. VPBank được trích lập các quỹ sau:

a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ;

b) Quỹ dự phòng tài chính;

c) Các quỹ khác theo quy định nội bộ của VPBank phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Các vấn đề liên quan đến việc trích lập và sử dụng các quỹ nêu trên được thực hiện theo các quy định của pháp luật và quy định nội bộ của VPBank.

Điều 79. Chia cổ tức[163]

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức, hình thức chi

[162] Điều 5 Nghị định 135/2025/NĐ-CP
[163] Điều 135 Luật Doanh nghiệp.

trả cổ tức hàng năm trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản trị, phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

2. VPBank chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi có đủ các điều kiện sau:

   a) Đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

   b) Đã trích lập các quỹ của VPBank và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

   c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, VPBank vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

3. Căn cứ các quy định pháp luật có liên quan, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, các cổ đông được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

4. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền (tiền mặt), bằng cổ phần, cổ phiếu của VPBank hoặc bằng tài sản khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Nếu chi trả bằng tiền (tiền mặt) thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và theo các phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật. Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi cổ đông đăng ký và cung cấp thông tin tài khoản với VPBank hoặc đơn vị do VPBank chỉ định. Trường hợp VPBank đã chuyển khoản theo đúng các thông tin tài khoản mà cổ đông cung cấp thì VPBank không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.

5. VPBank sẽ không trả lãi suất cho bất cứ cổ tức hay một khoản tiền nào khác có thể được chi trả liên quan tới một cổ phiếu.

6. Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức phù hợp với tình hình kinh doanh, lợi nhuận của VPBank và các quy định pháp luật có liên quan.

MỤC III: CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

Điều 80. Thông tin và bảo mật thông tin[164]

1. VPBank cung cấp thông tin cho chủ tài khoản về giao dịch và số dư trên tài khoản của chủ tài khoản theo thỏa thuận với chủ tài khoản.

2. VPBank cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh và được Ngân hàng Nhà nước cung cấp thông tin của khách hàng có quan hệ tín dụng với VPBank theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

3. VPBank được trao đổi thông tin với các tổ chức tín dụng khác về hoạt động của Ngân hàng.

4. Nhân viên, Người quản lý, Người điều hành của VPBank không được tiết lộ thông tin khách

[164] Điều 12, 13 Luật các TCTD

hàng, bí mật kinh doanh của Ngân hàng.

5. VPBank phải bảo đảm bí mật thông tin Khách hàng theo quy định của Chính phủ.

6. VPBank không được cung cấp thông tin Khách hàng tại VPBank cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hoặc được sự chấp thuận của Khách hàng.

Điều 81. Báo cáo và công bố thông tin ra công chúng

1. VPBank phải lập và gửi các báo cáo định kỳ hoặc đột xuất cho Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và các cơ quan hữu quan khác theo đúng quy định của pháp luật.

2. VPBank có trách nhiệm cung cấp thông tin cho các cơ quan Nhà nước, công bố thông tin ra công chúng theo đúng các quy định pháp luật.

Điều 82. Chế độ lưu giữ tài liệu[165]

1. VPBank phải lưu giữ các tài liệu sau đây tại Trụ sở chính của VPBank hoặc tại các văn phòng, địa điểm làm việc, các kho của VPBank hoặc tại bên thứ ba cung cấp dịch vụ bảo quản tài liệu cho VPBank:

   a) Điều lệ VPBank, bao gồm cả các văn bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ;

   b) Quy chế quản lý nội bộ của VPBank;

   c) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; các giấy phép và giấy chứng nhận khác (nếu có);

   d) Tài liệu, giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của VPBank;

   e) Phiếu biểu quyết, Biên bản kiểm phiếu, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; các quyết định của VPBank;

   f) Bản cáo bạch để phát hành chứng khoán (nếu có);

   g) Báo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập;

   h) Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hằng năm;

   i) Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.

2. Thời hạn, cách thức lưu giữ các tài liệu nêu trên thực hiện theo quy định pháp luật.

3. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc lưu giữ, quản lý hồ sơ, tài liệu tại VPBank theo đúng quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan.

[165] Điều 11 Luật Doanh nghiệp 2020.

CHƯƠNG VI:

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN

Điều 83. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Tranh chấp nội bộ là các tranh chấp, khiếu nại giữa Cổ đông với VPBank, giữa Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hoặc những người quản lý khác của VPBank có liên quan đến tới tổ chức, hoạt động của VPBank hoặc liên quan tới các quyền của cổ đông quy định tại Điều lệ này và/hoặc các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Khi tranh chấp nội bộ phát sinh, trước hết, các bên tranh chấp phải cùng nhau giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải, trên cơ sở tôn trọng quyền lợi của nhau và tuân thủ quy định của pháp luật. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng hai mươi mốt ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tranh chấp. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào đều có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền để giải quyết. Mỗi bên tự chịu các chi phí của mình phát sinh trong quá trình hòa giải.

3. Trường hợp không thể hòa giải được trong vòng mười (10) tuần kể từ khi bắt đầu quá trình hoà giải, các bên có quyền đưa tranh chấp đó ra giải quyết tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật. Bên phải chịu án phí do Tòa án quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 84. Tổ chức lại

1. Việc tổ chức lại VPBank theo các hình thức chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hoặc các hình thức khác được thực hiện theo các quy định của pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông quyết định việc tổ chức lại VPBank.

Điều 85. Giải thể

1. Việc giải thể VPBank (nếu có) thực hiện theo các quy định của pháp luật.

2. Điều kiện, thủ tục và các vấn đề khác liên quan đến việc giải thể VPBank thực hiện theo các quy định pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG VII:

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 86. Hiệu lực của Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ và điều khoản chuyển tiếp

1. Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22/04/2026 và được cập nhật nội dung Vốn điều lệ tại Điều 8 phù hợp với Quyết định số 2340/QĐ-NHNN ngày 20/10/2026 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Trường hợp các quy định của pháp luật có liên quan chưa được đề cập trong bản Điều lệ

này hoặc trường hợp văn bản pháp luật yêu cầu VPBank phải thực hiện khác đi so với nội dung bản Điều lệ này, hoặc trường hợp thay đổi pháp luật dẫn đến bất kỳ nội dung nào trong Điều lệ này không còn đúng so với quy định pháp luật, thì các quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng.

Điều 87. Điều khoản cuối cùng

1. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của VPBank.
2. Điều lệ này gồm 07 chương, 87 điều, được lập thành 10 bản chính, có giá trị như nhau, để nộp cho Ngân hàng nhà nước, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, các cơ quan chức năng khác và lưu giữ tại VPBank.
3. Các bản sao hoặc trích lục của bản Điều lệ này thực hiện theo quy định của VPBank và pháp luật có liên quan.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA VPBANK
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

M.S.D.N: 0100233583 - C.T.C.P
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Ngô Chí Dũng